ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 179 /BC-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 7 năm 2019*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ
ĐẾN Số: 713
Ngày: 10/7
Chuyển:

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2019 và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Năm 2019, năm tăng tốc thực hiện Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV và kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 69/2018/QH14 ngày 08/11/2018 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/11/2018 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2019 về việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Tình hình KT-XH 6 tháng đầu năm ước đạt một số kết quả như sau:

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2019 có 5/5 chỉ tiêu chủ yếu đều tăng trưởng khá hơn so với cùng kỳ năm 2018, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	6tháng/ 2018	6tháng/ 2019	Chỉ tiêu NQ 2019
1	*Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trong tỉnh GRDP (%)*	**5,92**	**6,87**	**7,5-8,0**
	Tr.đó: - Nông Lâm Ngư nghiệp (%)	2,15	2,19	2,28
	- Công nghiệp-Xây dựng (%)	6,57	9,29	10,56
	- Dịch vụ (%)	6,13	6,37	6,9
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)	7,98	7,73	5,58
2	*Giá trị xuất khẩu (triệu USD)*	440	543	1.055
3	*Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (tỷ đồng)*	9.080	9.950	22.700
4	*Thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)*	3.344	3.822	7.213,5
5	*Tạo việc làm mới (người)*	9.300	8.680	16.000

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh - *GRDP (theo giá so sánh 2010)* ước đạt 16.491 tỷ đồng, tăng 6,87% so với cùng kỳ[1]; chiếm 46,4% kế hoạch năm 2019; ở mức khá so với các tỉnh Miền Trung[2]. Đóng góp tăng trưởng kinh tế 6,87% nhờ vào một số ngành, lĩnh vực sản xuất chính như sau:

Khu vực Dịch vụ chiếm tỷ trọng 51,53% trong cơ cấu kinh tế; tăng 6,37%, cao hơn mức tăng cùng kỳ là 6,13%. Hoạt động du lịch trên địa bàn có những khởi sắc, môi trường du lịch biển phục hồi, cùng với nhiều chương trình, hội nghị, lễ hội lớn[3],.... tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch.

Khu vực Công nghiệp – xây dựng chiếm tỷ trọng 28,93%; tăng 9,29%, cao hơn mức tăng cùng kỳ là 6,57%. Trong đó góp phần một số nhà máy sản xuất men frit, vỏ lon nhôm, quần áo may mặc, gạch men... được nâng công suất vào những tháng cuối năm 2018 đã phát huy năng lực tăng thêm trong những tháng đầu năm[4]. Ngành xây dựng cũng có những chuyển biến tích cực.

Khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng 11,39%; tăng 2,19%, cao hơn mức tăng cùng kỳ là 2,15%. Trong đó, hoạt động đánh bắt hải sản phục hồi và phát triển, giá trị tăng thêm ngành thủy sản đạt khá cao, tăng 7,12%; ngành lâm nghiệp cũng đạt mức tăng trưởng khá 5,44%, chủ yếu nhờ khai thác gỗ rừng trồng tăng. Tuy nhiên, tình hình chăn nuôi gặp khó khăn: dịch tả lợn Châu Phi tái phát trên diện rộng; làm cho chăn nuôi lợn giảm sút, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng giảm 13,4% so cùng kỳ năm 2018.

Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm tỷ trọng 8,15%; tăng 7,73%, xấp xỉ mức tăng cùng kỳ là 7,98%; song ở mức tăng khá nhờ bổ sung nguồn thu từ sản xuất điện (do năm trước giảm) và nguồn thu thuế tiêu thụ đặc biệt 6 tháng đầu năm nay tăng khá cao.

(đính kèm Phụ lục 1 về tình hình tăng trưởng các khu vực kinh tế)

2. Thu chi ngân sách

Ngay từ đầu năm các ngành, địa phương đã triển khai quyết liệt các biện pháp thu, tiết kiệm trong chi thường xuyên.

- Tổng thu ngân sách 6 tháng đầu năm đạt 3.822 tỷ đồng, bằng 53% dự toán và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

+ *Thu nội địa* đạt 3.592 tỷ đồng, bằng 54,2% dự toán, tăng 20,1% so với cùng kỳ; Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 1.071 tỷ đồng, bằng 51% dự

---

[1] cao hơn mức tăng 5,92% của 6 tháng đầu năm 2018

[2] Số liệu do Tổng cục Thống kê công bố: Thanh Hóa 17,83%; Hà Tĩnh tăng 12,78%;Phú Yên tăng 9,22%; Nghệ An tăng 7,09%; Quảng Trị tăng 6,79%; Bình Định tăng 6,7%; Khánh Hòa tăng 6,5%; Quảng Bình tăng 6,32%; Đà Nẵng tăng 6,21%; Quảng Nam tăng 6,21%; Quảng Ngãi giảm 1,8%

[3] như Hội nghị ***"Phát triển du lịch miền Trung và Tây Nguyên"*** do Thủ tướng Chính phủ chủ trì, Lễ hội Festival nghề truyền thống, Chương trình chủ Nhật Xanh; Dự án Tổ hợp khách sạn thương mại Vinpearl, cầu đường đi bộ bằng gỗ Lim qua sông Hương đưa vào hoạt động,...

[4] Nhà máy sản xuất gạch ốp lát granit của Công ty Vitto Phú Lộc (công suất 7,2 triệu m2/năm, vốn đầu tư 610,9 tỷ đồng); giai đoạn 2 - Dự án sản xuất lon nhôm 02 mảnh của Công ty TNHH Baosteel Can Making Huế VN, nhà máy may 4 của Công ty CP Dệt may Huế tại KCN Phú Đa...)

toán, tăng 22,3%; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 606 tỷ đồng, bằng 52,2% dự toán, tăng 18,8%; Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 112 tỷ đồng, bằng 54,6%; Thu tiền sử dụng đất đạt 570 tỷ đồng, bằng 67,9% dự toán, tăng 8% so với cùng kỳ.

+ *Thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu* đạt 225 tỷ đồng, bằng 40,6% dự toán và bằng 90% so với cùng kỳ.

- Chi ngân sách địa phương đáp ứng các nhiệm vụ, đảm bảo chế độ chính sách và hoạt động thường xuyên các cơ quan, đơn vị. Tổng chi ngân sách đạt gần 4.226 tỷ đồng, bằng 41,8% dự toán, trong đó:

+*Chi đầu tư phát triển* đạt 991 tỷ đồng, bằng 41,3% dự toán.

+ *Chi sự nghiệp:* Chi thường xuyên đạt 3.036 tỷ đồng, bằng 46,9% dự toán.

(đính kèm Phụ lục 3 về Thu,Chi ngân sách nhà nước)

3. Tình hình các ngành, lĩnh vực kinh tế

3.1Phát triển ngành dịch vụ

a) Du lịch

Hoạt động du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế trở nên sôi động với các chương trình du lịch, văn hóa, lễ hội, thể thao. Bước vào đầu năm 2019, tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị ***"Phát triển du lịch miền Trung và Tây Nguyên"***, do Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì, có sự tham dự các Bộ, ngành. Đường đi bộ trên Sông Hương vào hoạt động kết nối cùng phố đi bộ Chu Văn An - Phạm Ngũ Lão - Võ Thị Sáu đã tạo thành một không gian du lịch "tổng thể" phục vụ du lịch; Festival nghề truyền thống Huế lần thứ 8 năm 2019 (*từ 26/4 đến 02/5*) đã thu hút hơn 400.000 lượt khách, tăng hơn 50% so với kỳ trước[5]. Một số tổ hợp khách sạn, thương mại đã hoàn thiện đưa vào hoạt động. Phát động Chương trình Chủ nhật Xanh, phong trào "nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng một lần" ... góp phần xây dựng thành phố Huế xứng đáng với các danh hiệu là "thành phố Văn hóa ASEAN"; "thành phố Du lịch Sạch ASEAN 2018-2020"; "thành phố Xanh Quốc gia", "thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam"[6].

Trong 6 tháng đầu năm 2019, tổng lượng khách du lịch đến tỉnh ước đạt 2.490 nghìn lượt khách, tăng 4,6%; khách quốc tế 1.190 nghìn lượt khách, tăng 17,7%, chủ yếu tập trung vào thị trường khách Hàn Quốc tiếp tục dẫn đầu chiếm 24,4%; Thái Lan chiếm 13,1%; Pháp 9,4%; Mỹ 5,6%; Anh 5,6%...Tổng lượng khách lưu trú ước đạt 1.154 nghìn lượt khách, tăng 6,7%, trong đó khách quốc tế 547 nghìn lượt khách, tăng 10,4%. Doanh thu du lịch ước đạt 2.320 tỷ đồng, tăng

---

[5]công suất buồng phòng đạt trên 97% (*trong đó khách sạn từ 3 sao đến 5 soo đạt 100%)*; doanh thu bán hàng tại không gian tôn vinh nghệ nhân, làng nghề đạt gần 10 tỷ đồng, tăng gấp 2,2 lần; riêng không gian ẩm thực đạt doanh thu gần 3 tỷ đồng, tăng 2,7 lần...

[6]"Thành phố Văn hóa của ASEAN" được công nhận trong khuôn khổ Hội nghị Bộ trưởng phụ trách văn hóa và nghệ thuật ASEAN lần thứ 6 năm 2014; "Thành phố Xanh quốc gia" do Quỹ bảo tồn Thiên nhiên thế giới (WWF) công nhận năm 2016; "thành phố Du lịch Sạch ASEAN 2018-2020" được công nhận tại Diễn đàn Du lịch ASEAN tại Thái Lan năm 2018;

2,1%. Doanh thu cơ sở lưu trú 880 tỷ đồng, tăng 8%, trong đó doanh thu du lịch tại Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô ước đạt 310 tỷ đồng.

Tiếp tục triển khai nhiệm vụ công nhận điểm du lịch trên địa bàn tỉnh theo Luật Du lịch 2017. Hiện đã có 5 điểm du lịch được công nhận gồm Thủy Biều, Thanh Toàn, đầm Chuồn, tranh làng Sình - hoa giấy Thanh Tiên và đền Huyền Trân Công Chúa đáp ứng nhu cầu điểm đến bảo đảm phục vụ du lịch.

b) Hoạt động thương mại, quản lý thị trường:

Thị trường, giá cả hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn tỉnh khá ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,47% so với tháng 12 năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2019 chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,55% so với bình quân cùng kỳ năm 2018; chủ yếu do điều chỉnh tăng giá điện, xăng dầu, nước, gas cũng như một số nhóm hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tăng trong dịp Tết Nguyên đán và các lễ hội. Tổng mức bán lẻ hàng hóa doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 20.842 tỷ đồng, tăng 11,2%, trong đó kinh doanh bán lẻ hàng hóa 16.158 tỷ đồng, tăng 11,4%; dịch vụ lưu trú và ăn uống 3.524 tỷ đồng, tăng11%; du lịch lữ hành 97 tỷ đồng, tăng 8,5%; dịch vụ khác 1.063 tỷ đồng, tăng 8,79%.

Một số địa điểm thương mại đang từng bước được nâng cấp, cải tạo; tập trung chuyển đổi mô hình quản lý chợ; đang hoàn chỉnh đề án nâng cấp chợ Đông Ba; đang nghiên cứu xây dựng dự án "Đầu tư quản lý, khai thác Chợ và Trung tâm thương mại Lăng Cô (huyện Phú Lộc).

c) Hoạt động xuất nhập khẩu:

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 543 triệu USD, tăng 23,3%, đạt 51% so kế hoạch; đáng chú ý khu vực doanh nghiệp vốn trong nước tăng mạnh tăng 52,5% so với cùng kỳ; chủ yếu các mặt hàng: xơ, sợi dệt các loại 144 triệu USD, tăng 71,1%; hàng may mặc 272 triệu USD, tăng 6,2%; gỗ và sản phẩm gỗ 62 triệu USD, tăng44,3%; nhóm các hàng hóa khác[7] đạt 45,2 triệu USD, tăng 75,7%. Tuy nhiên, thủy sản chỉ đạt 20,4 triệu USD, giảm 29,8%;

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 263 triệu USD, giảm 13,8%[8]. Trong đó, nguyên phụ liệu dệt may 189 triệu USD, giảm 13,2%; linh kiện phụ tùng ô tô 9,11 triệu USD, tăng 48,4%,...

d) Hoạt động tín dụng ngân hàng:

Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 46.100 tỷ đồng, tăng 7%. Tổng dư nợ cho vay ước đạt 48.200 tỷ đồng, tăng 6%; trong đó dư nợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 24%, tăng 2,7%. Nợ xấu ở mức 462,8 tỷ đồng[9], chiếm 1,22% so với tổng dư nợ, giảm 37% so với đầu năm, trong đó nợ xấu chủ yếu phát sinh từ

---

[7]Gồm *hương và bột hương, bia, rượu sa kê, hàng thủ công mỹ nghệ, bao bì xi măng,...*

[8]Trong đó khu vực doanh nghiệp 100% vốn trong nước ước đạt 159,1 triệu USD (*chiếm tỷ trọng 60,5%*), giảm 7,5; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 103,8 triệu USD (*chiếm tỷ trọng 39.5%*), giảm 22%

[9] Nợ xấu chủ yếu phát sinh từ Chương trình cho vay đóng mới tàu theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP có xu hướng tăng (chiếm 35,2% dư nợ xấu toàn tỉnh) do một số chủ tàu không thực sự khó khăn nhưng ý thức trả nợ kém.

Chương trình cho vay đóng mới tàu chính sách theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP có xu hướng tăng, chiếm 35,2% dự nợ xấu toàn tỉnh.

đ)Hoạt động vận tải:

Vận tải hành khách ước đạt 12.194 nghìn lượt khách, tăng 7%; vận tải hàng hóa ước đạt 5.818 nghìn tấn, tăng 10%. Doanh thu vận tải, bốc xếp ước đạt 1.376 tỷ đồng, tăng 12%[10]. Tại Cảng Chân Mây ước đón 160 lượt tàu cập cảng; lượng hàng hóa qua cảng ước đạt 1.092 nghìn tấn (*chiếm 18,8% lượng hàng hóa*); doanh thu ước đạt 74tỷ đồng (*chiếm 8% doanh thu vận tải hàng hóa*), nộp ngân sách ước đạt 2,7 tỷ đồng.

e) Hoạt động lĩnh vực bưu chính - viễn thông:

Tiếp tục ổn định và cải thiện nâng cao các dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ truyền thống cả về chất lượng, số lượng. Doanh thu ước đạt 980 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ.

3.2. Về công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9,45% so cùng kỳ[11]. trong đó công nghiệp khai khoáng tăng 7,57%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,96%; sản xuất và phân phối điện, nước đá tăng 15,85%; cấp nước và thu gom rác thải tăng 6,32%. Giá trị sản xuất công nghiệp (*theo giá so sánh 2010*) ước đạt 20.334 tỷ đồng, tăng 10,56% so với cùng kỳ, chiếm 43,5% kế hoạch.

Nhờ phát huy năng lực tăng thêm các nhà máy may của Công ty TNHH MTV Sơn Hà Huế 15 triệu SP/năm, Công ty CP Dệt may Hương Phú 5 triệu SP/năm và nhà máy may 4 của Công ty CP Dệt may Huế tại KCN Phú Đa; các dự án mở rộng, nâng công suất các nhà máy sợi Phú Việt, Phú Anh, Phú Gia, Phú Quang và Công ty CP Dệt may Huế; nhà máy sản xuất men frit của Công ty CP Frit Huế tại KCN Phú Bài; dự án nhà máy sản xuất men frit của Công ty CP Frit Phú Sơn tại KCN Phú Đa (*công suất 30.000 tấn/năm*) đã đầu tư hoàn thành và đưa vào hoạt động quý II/2019; nhà máy gạch ốp lát granit (7,2 triệu m2/năm) của Công ty Vitto Phú Lộc tại KCN La Sơn, dự án điện mặt trời Phong Điền. Bên cạnh đó, nhà máy sản xuất thủy tinh của Công ty Vico silica; Nhà máy sản xuất khoáng Cristobalite của Công ty Phenikaa đang sản xuất thử, nhà máy xi măng Đồng Lâm giai đoạn 2 (*cuối năm 2019 đi vào sản xuất*),... góp phần gia tăng giá trị sản phẩm ngành công nghiệp trong thời gian tới.

Tình hình sản xuất, kinh doanh một số sản phẩm chủ lực trong 6 tháng đầu năm 2019 có chỉ số sản xuất tăng cao so với cùng kỳ:

Bia 110 triệu lít, tăng 8,59%[12]; doanh thu 2.000 tỷ đồng, nộp ngân sách 722,4 tỷ đồng tăng 8%; *Dệt may* tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, doanh thu 6.500 tỷ đồng, nộp ngân sách 105 tỷ đồng; trong đó sợi các loại 38,9 nghìn

[10] bao gồm doanh thu vận tải hành khách 363,0 tỷ đồng, tăng 11,%; vận tải hàng hóa 916,2 tỷ đồng, tăng 12,%; kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải 97 tỷ đồng, tăng 14,9%.

[11] cao hơn mức tăng 6,85% của 6 tháng đầu năm 2018

[12] trong đó bia đóng chai 44,3 triệu lít, tăng 7,28%; bia đóng lon 62,7 triệu lít, tăng 9,99%

tấn, tăng 7,76%; quần áo lót 181 triệu cái, tăng 3,55%; áo quần may sẵn 29,2 triệu SP, tăng 24,26%[13]; *Men frit* 119,8 nghìn tấn, tăng 50,73%; nguyên liệu Engobe 32 nghìn tấn; doanh thu ngành men Frit 1.000 tỷ đồng, nộp ngân sách 58 tỷ đồng[14]; *Gạch ốp lát* 7,1 triệu m2, tăng 72,1%[15]; *Lon nhôm* 420 triệu lon, tăng 44,7%; *Điện sản xuất* 482 triệu KWh (*thủy điện và điện mặt trời*), tăng 19,65%; điện thương phẩm 882 triệu kwh, tăng 9,02%; *Đá xây dựng* 368 nghìn tấn, tăng 22,9%; *Xe ô tô* 84 chiếc, tăng 25,46%; *Dăm gỗ* 263,1 nghìn tấn, tăng 8,97%;,....

Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm: Xi măng ước đạt 1.216 nghìn tấn, giảm 7,54% do thị trường tiêu thụ có dấu hiệu bão hòa; ngoài ra cung ứng cho các công trình dự án lớn[16], đến nay đã hoặc gần hoàn thành; *Tôm đông lạnh* đạt 2.384 tấn, giảm 3,64% do nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất thiếu ổn định không đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy trên địa bàn tỉnh.

3.3. Tình hình phát triển khu kinh tế, công nghiệp, cụm công nghiệp

a) Tình hình phát triển khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và các Khu công nghiệp (KKT, KCN):

Trong 6 tháng đầu năm có 03 dự án cấp mới vào địa bàn KKT, KCN với tổng mức đầu tư đạt 3.760 tỷ đồng. Dự kiến năm 2019 sẽ cấp được 07 dự án với vốn đăng ký khoảng 5.294 tỷ đồng; vốn đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn ước đạt 935 tỷ đồng đạt 15,5% kế hoạch năm 2019.

Lũy kế đến nay có 142 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký 94.505 tỷ đồng; trong đó có 31 dự án của nhà đầu tư nước ngoài với vốn đầu tư đăng ký là 62.111 tỷ đồng. Xét theo tình hình hình hoạt động dự án: Có 92 dự án đang hoạt động chiếm 64,7% tổng số dự án, 26 dự án đang triển triển khai thực hiện chiếm 18,3% tổng số dự án, 04 dự án đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư chiếm 2,8% tổng số dự án, 08 dự án chậm tiến độ chiếm 5,6% tổng số dự án, 12 dự án ngừng hoạt động chiếm 8,4% tổng số dự án. Vốn đầu tư thực hiện 26.369 tỷ đồng, chiếm 27,5% vốn đăng ký.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn khu kinh tế và khu công nghiệp ngày càng đóng góp quan trọng cho cả tỉnh, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp. Giá trị sản xuất (*theo giá so sánh*) ước đạt 9.700 tỷ đồng, tăng 12,8%, chiếm 65% so giá trị sản xuất toàn tỉnh; nộp ngân sách 1.360 tỷ đồng, tăng 16%; giá trị xuất khẩu 365 triệu USD, tăng 10%, chiếm hơn 68% tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh.

---

[13]nhờ phát huy năng lực tăng thêm của các nhà máy may của Công ty TNHH MTV Sơn Hà Huế 15 triệu SP/năm, Công ty CP Dệt may Hương Phú 5 triệu SP/năm và nhà máy may 4 của Công ty CP Dệt may Huế tại KCN Phú Đa; các dự án mở rộng, nâng công suất các nhà máy sợi Phú Việt, Phú Anh, Phú Gia, Phú Quang và Công ty CP Dệt may Huế.

[14] nhà máy sản xuất men frít của Công ty CP Frit Huế tại KCN Phú Bài đưa vào hoạt động cuối năm 2018; dự án nhà máy sản xuất men frít của Công ty CP Frit Phú Sơn tại KCN Phú Đa (*công suất 30.000 tấn/năm*) đã đầu tư hoàn thành và đưa vào hoạt động quý II/2019.

[15]nhờ phát huy năng lực mới của nhà máy gạch ốp lát granit (7,2 triệu m2/năm) của Công ty Vitto Phú Lộc tại KCN La Sơn;

[16]như: Đường hầm Hải Vân, đường cao tốc (La Sơn – Túy Loan), các công trình nhà máy thủy điện ở Thừa Thiên Huế và các tỉnh Nam trung Bộ,...

b) Hoạt động cụm công nghiệp (CCN):

Có 6 CCN[17]/11 CCN đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh với diện tích đất đã cho thuê là 107,41 ha, đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân của các CCN đã đi vào hoạt động khoảng 60,87%.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, các CCN trên địa bàn tỉnh thu hút được 1 dự án, vốn đầu tư 32,13 tỷ đồng; lũy kế đến nay có 121 dự án đầu tư vào các CCN trên địa bàn tỉnh, với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 1.203,62 tỷ đồng. Tổng số lao động đang làm việc tại các cụm công nghiệp khoảng 8.000 lao động; thu nhập bình quân của lao động làm việc tại cụm công nghiệp dao động từ 4 - 4,5 triệu đồng/người/tháng.

Tình hình phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn chậm do ngân sách đầu tư hạ tầng còn hạn chế; công tác quản lý nhà nước và quản lý hoạt động còn nhiều bất cập, đa số các địa phương (*trừ thành phố Huế*) chưa có bộ máy chuyên trách về quản lý hoạt động của CCN.

3.4. Về nông lâm, ngư nghiệp

a) Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông Xuân 2019 đạt 45.059 ha, xấp xỉ vụ Đông Xuân năm trước. Diện tích lúa đạt 28.928 ha[18], chiếm 64,2% tổng diện tích cây hàng năm, tăng 1,33%; năng suất ước đạt 62,6 tạ/ha, tăng 0,24 tạ/ha; sản lượng đạt 181.036 tấn, tăng 1,6%. Trong đó, lúa chất lượng cao đạt 10.910 ha, tăng 1.902 ha, chiếm 37,8% diện tích song diện tích lúa sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn toàn tỉnh là 2.803 ha, giảm 215 ha[19]).

Diện tích gieo trồng một số loại cây hàng năm chủ yếu khác của vụ Đông Xuân năm do hạn hán nên hầu hết giảm so với cùng kỳ, kéo theo sản lượng và năng suất cũng giảm hoặc tăng không đáng kể: Ngô năng suất ước đạt 40,9 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha; sản lượng 4.270 tấn, giảm 3,8%. Khoai lang 55,1 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha và đạt 7.935 tấn, giảm 4,2%. Rau các loại đạt 100,3 tạ/ha, giảm 1,5 tạ/ha và đạt 31.158 tấn, giảm 2,7%; Ớt cay năng suất đạt 82,6 tạ/ha, giảm 1,1 tạ/ha. Lạc 17,1 tạ/ha, giảm 25% và đạt 5.067 tấn, giảm 25,3%[20].

Diện tích gieo cấy lúa vụ Hè Thu toàn tỉnh theo kế hoạch khoảng 25.820 ha; đến nay đã gieo cấy khoảng 23.800 ha đạt 92,2% diện tích, diện tích lúa còn lại sẽ gieo sạ cơ bản hoàn thành theo lịch thời vụ.

Cây lâu năm: Cây Ăn quả: 3.193 ha; Cao su: 8.882 ha; Hồ tiêu: 272 ha.

b) Chăn nuôi

Chăn nuôi gia cầm, nhất là chăn nuôi gà có nhiều thuận lợi, giá thịt gà hơi giữ mức ổn định nên khuyến khích người chăn nuôi mở rộng quy mô đàn. Song

---

[17] An Hòa, Thủy Phương, Tứ Hạ, Hương Hòa, Bắc An Gia, A Co

[18] Lúa chất lượng cao đạt 10.910 ha, tăng 1.902 ha, chiếm 37,8% diện tích.

[19] Trong đó: Cánh đồng mẫu có liên kết 1.600 ha (67 cánh đồng - tăng 661 ha so với năm trước); Cánh đồng mẫu chưa có sự liên kết 1.203 ha (55 cánh đồng, giảm 876 ha) do các cánh đồng mẫu chưa có sự liên nên tính bền vững của mô hình không cao.

[20] Do hạn hán làm thiệt hại 512 ha lạc, trong đó 131 ha mất trắng, tập trung ở thị xã Hương Trà.

chăn nuôi gia súc gặp khó khăn. Dịch tả lợn Châu Phi tái phát lại trên diện rộng, tại tỉnh ta, tính đến 02/7/2018, bệnh xảy ra trên đàn lợn của hơn 3.500 hộ chăn nuôi ở 451 thôn, 90 xã thuộc 9 huyện, thị xã, thành phố; tổng số lợn mắc bệnh và đã tiêu hủy là 19.440 con với tổng trọng lượng hơn 1.100 tấn. Tỉnh đã hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố Huế 4 tỷ đồng để hỗ trợ chủ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do dịch bệnh tả lợn Châu Phi. Chăn nuôi trâu, bò cũng gặp khó khăn do đồng cỏ thu hẹp, thiếu lao động và các dự án khuyến nông ở một số huyện đến thời hạn chấm dứt như BCC[21].

Tính đến tháng 6, tổng đàn lợn ước đạt 130.360 con, giảm 22,7% so cùng kỳ năm trước; đàn trâu 19.617 con, giảm 2,5%; đàn bò 33.152 con, giảm 1,4%; đàn gia cầm ước đạt 3.608,9 nghìn con, tăng 3,9% so cùng kỳ năm trước (trong đó đàn gà 2.790,2 nghìn con, tăng 4,8%; đàn vịt, ngan, ngỗng 818,7 nghìn con, tăng 0,8%).

c) Lâm nghiệp

Tỷ lệ che phủ rừng năm 2018 được công bố đạt 57,3%, tăng 1,02% so với năm 2016[22]. Tổng diện tích rừng trồng tập trung trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt 3.570 ha, tăng 3%, toàn bộ là rừng sản xuất. Đáng chú ý, kế hoạch phát triển rừng trồng gỗ lớn, có chứng chỉ rừng FSC tại huyện Nam Đông, A Lưới, với số hộ đăng ký 288 hộ/750 ha, đã rà soát 174 hộ/596 ha; đạt 85% kế hoạch.

Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 252.035 m^3, tăng 2,7%, toàn bộ là gỗ rừng trồng. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng tiếp tục tăng cường, đã xảy ra 235 vụ vi phạm lâm luật, tăng 72 vụ; trong đó, phá rừng trái phép làm nương rẫy xảy ra 14 vụ, giảm 3 vụ, với diện tích rừng bị phá 3,58 ha, giảm 2,21 ha. Đã tiến hành xử lý 156 vụ vi phạm lâm luật, tịch thu 43,8 m^3 gỗ tròn và 198,9 m^3 gỗ xẻ các loại; nộp ngân sách 1.689,3 triệu đồng, xử lý tịch thu 8 chiếc xe ô tô.

d)Thuỷ sản

Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 7.184,5 ha, tăng 2,9% (bao gồm nuôi nước lợ 5.209,5 ha, tăng 4,4%; nuôi nước ngọt 1.975 ha, giảm 0,8%).

Sản lượng nuôi trồng ước đạt 6.466 tấn, tăng 9,1% (*trong đó 4.089 tấn, tăng 3,9%; tôm sú 196 tấn, tăng 5,9%; tôm thẻ chân trắng 1.768 tấn, tăng 25,9%; thủy sản khác 353 tấn, tăng 2%).* Sản lượng khai thác ước đạt 21.021 tấn, tăng 3,6% (*trong đó khai thác biển 19.100 tấn, tăng 4%; khai thác nội địa 1.921 tấn, giảm 0,5%).* Tính chung sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác ước đạt 27.487 tấn, tăng 4,8%.

Tổng số tàu cá trên toàn tỉnh là 724 chiếc; trong đó tàu cá xa bờ là 421 chiếc, tăng 11 chiếc với đầu năm 2019[23]. Trong đó 40 chiếc tàu đóng mới và 01

[21] BCC: Dự án "Hành lang bảo tồn đa dạng sinh học Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng, giai đoạn 2"
[22]Theo công bố Hiện trạng rừng toàn quốc năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
[23]Tàu cá xa bờ theo Luật Thủy sản 2017 có chiều dài từ 15 mét trở lên.

chiếc nâng cấp thực hiện chính sách theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP về cho vay đóng tàu đánh bắt thủy sản.

đ) Triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới:

Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn trên toàn tỉnh là 44/104 xã, chiếm tỷ lệ 42,3%. Số tiêu chí bình quân đến 30/5/2019 đạt 16,3 tiêu chí/xã tăng 0,15% so với cuối năm 2018. Phấn đấu đến cuối 2019 có từ 54 – 58 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng ít nhất 10-14 xã; đạt tỷ lệ trên 53%. Huy động nguồn lực Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2019, đến 30/5/2019 đạt được 1.168,4 tỷ đồng, đạt 52,84%[24] kế hoạch huy động. Khối lượng thực hiện đạt khoảng 40%, nguồn vốn giải ngân đạt khoảng 20%.

(đính kèm Phụ lục 2 về một số chỉ tiêu chủ yếu trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ)

4. Tình hình thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Tính từ đầu năm đến nay, tình hình thu hút đầu tư đạt kết quả nổi bật, đã cấp mới 16 dự án đầu tư và điều chỉnh tăng vốn 04 dự án với tổng vốn đăng ký và tăng thêm đạt trên 15.000 tỷ đồng, chiếm trên 10% tổng vốn thu hút đầu tư từ trước tới nay*(gồm 10 dự án trong nước với vốn đăng ký gần 13.268 tỷ đồng; 06 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 75,54 triệu USD)*. Đặc biệt, có 04 dự án lớn với tổng vốn đăng ký 13.000 tỷ đồng; đã ký kết biên bản hợp tác chiến lược với nhà đầu tư nhân dịp Hội nghị "Phát triển du lịch miền Trung và Tây Nguyên" do Thủ tướng Chính phủ chủ trì[25]. Đang hỗ trợ chuẩn bị đầu tư cho các dự án: BRG, Ecopark, Văn Phú Invest, Cotana ... Ngoài ra, đang xúc tiến, hỗ trợ cho nhiều nhà đầu tư lớn quan tâm khảo sát, nghiên cứu đầu tư: Tập đoàn Sungroup, Sovico, FLC, Vietravel, Công ty CP Toàn Cầu TMS, Tập đoàn Gami....Đã tổ chức đoàn đi xúc tiến đầu tư công nghiệp hỗ trợ dệt may, khảo sát công nghệ xử lý nước thải ngành dệt nhuộm tại Ấn Độ. Đồng thời, đã tổ chức Hội nghị Chủ tịch UBND tỉnh đồng hành cùng doanh nghiệp với chủ đề "Vì một nền kinh tế xanh – phát triển bền vững".

Đã ban hành Kế hoạch Xúc tiến đầu tư của tỉnh năm 2019[26] và bổ sung danh mục và công bố thông tin dự án kêu gọi đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019, định hướng đến năm 2020 tạo thuận lợi nhà đầu tư trong tiếp cận thông tin, khảo sát nghiên cứu đầu tư[27].

---

[24]Trong đó: huy động từ NSTW 184,3 tỷ đồng, đạt 100% KH; NSĐP đối ứng 154,08 tỷ đồng, đạt 44%; Vốn lồng ghép ước 40 tỷ đồng, đạt 53,3%; Vốn tín dụng ước750 tỷ đồng, đạt50%; Cộng đồng và người dân đóng góp ước 30 tỷ đồng, đạt 42,9%; Tổ chức, DN đóng góp ước 10 tỷ đồng, đạt 32,9%.

[25]Trao Quyết định chủ trương đầu tư 04 dự án: Dự án Khu Liên hợp sản xuất lắp ráp Kim Long Motors Huế 3.330 tỷ đồng dự kiến Quý IV/2021 đưa vào hoạt động giai đoạn 1 với 8.000xe/năm; Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái biển Hải Dương 2.108 tỷ đồng; Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng phát triển thể chất kết hợp vui chơi, thể thao Lộc Bình 3.066 tỷ đồng; Khách sạn, dịch vụ Du lịch, Biệt thự Nghỉ dưỡng và Khu du lịch vui chơi giải trí tổng hợp tại xã Vinh Xuân và Vinh Thanh 4.168 tỷ đồng.
Ký 4 biên bản hợp tác với Công ty CP Tiếp thị và Giao thông Vận tải – Vietravel; Tập đoàn Sovico Holding; Tập đoàn FLC; Công ty CP Văn Phú Invest

[26]Kế hoạch số 19/KH-UBND

[27]Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 26/01/2019 bổ sung Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 08/5/2017

Đã thu hồi 05 dự án do nhà đầu tư tự quyết định chấm dứt hoạt động[28].Công tác rà soát, giám sát tiến độ các dự án ngoài ngân sách thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh đang tiếp tục thực hiện. Đến nay, đã tiến hành rà soát toàn bộ các dự án chậm tiến độ được chia làm 3 loại gồm 24 dự án cần rà soát xem xét thu hồi, (đã thu hồi 12 dự án), 29 dự án cần giám sát đặc biệt và 26 dự án đang triển khai cần đôn đốc tiến độ thực hiện (đã thu hồi 6 dự án).

Bên cạnh đó, hoạt động hỗ trợ nhà đầu tư; xúc tiến đầu tư đạt kết quả thông qua nhiều hoạt động thông qua hội nghị, tham quan nghiên cứu, ...

Đã có 322 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 4.078,9 tỷ đồng, giảm 8% về lượng và tăng 36% về vốn. Bên cạnh đó, 140 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 30%; song 200 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 13%, 43 doanh nghiệp giải thể, tăng 04 doanh nghiệp.

Phát triển Kinh tế tập thể: Tính đến 31/5/2019 có 264 Hợp tác tác xã chuyển đổi, tăng 5 Hợp tác xã (HTX) so với đầu năm, trong đó có 02 HTX nông nghiệp và 03 HTX phi nông nghiệp; có 198 HTX đã đăng ký, chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012.

5. Quản lý quy hoạch, đô thị, quản lý đầu tư xây dựng

a) Về quy hoạch, đô thị

Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đô thị đến nay đạt 36%; tỷ lệ đô thị hóa đạt 54%. Đang triển khai lập nhiệm vụ quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch năm 2017. Đang hoàn chỉnh Quy hoạch chung Khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô; Triển khai điều chỉnh quy hoạch phía Nam, thành phố Huế; bổ sung quy hoạch khu Hương Sơ phục vụ tái định cư cho dự án di dời các hộ dân khu vực I di tích Kinh thành Huế.

Đang hoàn thiện dự thảo báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận 48-KL/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên - Huế và đô thị Huế đến năm 2020; Đã phê duyệt Đề cương Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Triển khai dự án Trung tâm điều hành thông minh Tỉnh Thừa Thiên Huế, mô hình đoạt giải "Dự án thành phố thông minh sáng tạo nhất châu Á" tại Telecom Asia Awards năm 2019 do Tập đoàn Vietel xây dựng.[29]

Chương trình "Ngày Chủ nhật xanh" hàng tuần, triển khai chính thức từ đầu năm 2019 đã có hiệu ứng lan tỏa khắp các thôn xóm địa phương, vùng núi, vùng biển, đảo trên toàn tỉnh cùng với việc triển khai Đề án "thành phố 04 mùa hoa"góp phần chỉnh trang đô thị, bảo vệ môi trường làm cho Huế xanh – sạch – đẹp hơn.

[28] 05 dự án thu hồi: Trường mầm non tư thục Everest; Mở rộng dự án Khu dịch vụ khách sạn La Residence; dự án Làng Việt; VinEco; VinCom Hương Trà.

[29] do Tập đoàn Viettel xây dựng với hình thức "may đo" theo yêu cầu và đặc thù của tỉnh.

b) Về đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 9.950 tỷ đồng, bằng 43,8% KH năm, tăng 9,6%.

*Phân theo cấp quản lý:*vốn do Trung ương quản lý đạt 2.832 tỷ đồng, bằng 45,9% KH, tăng 6,3%, chiếm 28,5% tổng vốn; vốn Địa phương quản lý 7.118 tỷ đồng, bằng 43,1% KH, tăng 10,9%, chiếm 71,5%.

Phân theo nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước ước đạt 1.790 tỷ đồng, bằng 50,7% KH, tăng 12,8%, chiếm 18,0% tổng vốn[30]; nguồn vốn tín dụng đạt 4.519 tỷ đồng, bằng 44,8% KH, tăng 12,2%, chiếm 45,4%; vốn đầu tư của doanh nghiệp 1.421 tỷ đồng, bằng 45,1% KH, tăng 0,08%, chiếm 14,3%; vốn viện trợ 550 tỷ đồng, bằng 34,8% KH, giảm 17,7%, chiếm 5,5%; vốn đầu tư nước ngoài 550 tỷ đồng, bằng 27,5% KH, tăng 38,2%, chiếm 5,5%.

Đến nay, việc thi công, xây dựng được triển khai thuận lợi tập trung chủ yếu vào các dự án chuyển tiếp thi công nhanh: Đường Chợ Mai-Tân Mỹ; Đường Phú Mỹ-Thuận An; Đường cứu hộ cứu nạn Thủy Phù - Vinh Thanh; Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã Quảng Công; Nhà ăn kết hợp hội trường Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh; Sửa chữa, nâng cấp hồ Thọ Sơn, xã Hương Xuân; Hệ thống đê nội đồng kết hợp giao thông Phong Bình-Phong Chương-Điền Hòa-Điền Lộc; Đường phía Đông đầm Lập An; Đường nối từ Quốc lộ 1A vào vườn quốc gia Bạch Mã; Dự án "Chương trình phát triển các đô thị loại II (*các đô thị xanh*)-tiểu dự án Thừa Thiên Huế;

Tiếp tục đầu tư vào những dự án trọng điểm quốc gia (*từ nguồn vốn ngân sách do Trung ương quản lý*) như Dự án đầu tư xây dựng khu kinh tế quốc phòng A So; Học viện Âm Nhạc Huế; Nhà hát Sông Hương; Viện nghiên cứu khoa học miền Trung, Dự án Đê chắn sóng cảng Chân Mây; đã bàn giao mặt bằng dự án mở rộng xây dựng mới nhà ga và sân đỗ Cảng hàng không quốc tế Phú Bài.

Nguồn vốn viện trợ tập trung chủ yếu dự án cải thiện môi trường nước, nhưng đến nay dự án này còn chậm tiến độ so kế hoạch; công tác GPMB đã cơ bản hoàn thành. Đã tiếp nhận 05 dự án viện trợ không hoàn lại với tổng vốn cam kết viện trợ là 57,5 tỷ đồng. Ngoài ra, đang thúc đẩy việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch năm 2019 cho 04 dự án viện trợ[31].

Nguồn vốn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp tục đầu tư vào các dự án gấp rút hoàn thiện để đưa vào sử dụng: Dự án phức hợp Manor Crown; Dự án Goldland Plaza; Bến số 2 và 3 – cảng Chân Mây, Dự án Khu nghỉ dưỡng Huyền thoại Địa Trung Hải ... Nhiều dự án chuyển tiếp được thực hiện nhanh các công đoạn cuối để đưa vào hoạt động trong thời gian đến: các nhà máy thủy điện A

[30] gồm có: Vốn ngân sách Trung ương quản lý 425 tỷ đồng, bằng 44,7% KH, giảm 2,3%; vốn ngân sách Địa phương quản lý 1.365 tỷ đồng, bằng 52,9%, tăng 18,5%;

[31] 04 dự án: Cải thiện dịch vụ y tế tỉnh Thừa Thiên Huế, Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển, Xây dựng trung THPT Hà Trung, Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2, dự án thành phần Thừa Thiên Huế.

Lin B1, A Lin B2, Rào Trăng 3; tòa nhà Vietinbank; dự án Movenpic Resort Lăng Cô. Các dự án trọng điểm quốc gia BT và BOT tiếp tục thi công nhanh: Hầm Hải Vân giai đoạn II; đang đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng đường Cam Lộ - La Sơn, dự kiến khởi công trong tháng 7/2019.

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh, chủ yếu tập trung thực hiện các dự án sau: Dự án Laguna giai đoạn 2; Khu nghỉ dưỡng của Công ty Minh Viễn (*dự kiến cuối năm 2019 đi vào hoạt động giai đoạn 1*); Dự án biệt thự nghỉ dưỡng và khu vui chơi giải trí của Công ty cổ phần đầu tư Vinh Thanh; giai đoạn 2 dự án Nhà máy may mặc Hanex; hạ tầng Khu C, khu Công nghiệp Phong Điền của Công ty TNHH C&N Vina Huế; hạ tầng khu công nghiệp Tứ Hạ (giai đoạn 1) của Công ty cổ phần Hello quốc tế Việt Nam[32];

Tập trung hỗ trợ và đôn đốc triển khai các dự án trọng điểm của tỉnh theo tiến độ đề ra, cụ thể 07 dự án đầu tư vào khu đô thị An Vân Dương, 03 dự án lớn ngành du lịch *(gồm dự án Sân gôn BRG, dự án khu du lịch Lộc Bình, dự án khu du lịch Vinh Thanh)* và 02 dự án vốn đầu tư ngân sách *(gồm dự án GPMB khu vực 1 Kinh Thành Huế và dự án nâng cấp Cảng hàng không Phú Bài).*

Khối lượng giải ngân các nguồn vốn trong 6 tháng đầu năm ước đạt 42,3%.

Đã có 56/56 dự án khởi công mới trong kế hoạch năm 2019 đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; bao gồm 48 dự án đã khởi công xây dựng, 08 dự án chưa khởi công[33].

(Đính kèm Phụ lục 4 và 5 về tiến độ thực hiện một số dự án trọng điểm gồm trong ngân sách và ngoài ngân sách)

6. Văn hóa xã hội

6.1. Văn hóa - thể thao

Đã tập trung nhiều hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí đón chào các ngày lễ lớn trong năm. Phát động của Chủ tịch UBND tỉnh và các cấp, các ngành về Chương trình "Ngày Chủ nhật xanh" hàng tuần đã có hiệu ứng lan tỏa đến các thôn xóm địa phương, vùng núi, biển, đảo trên toàn tỉnh; bên cạnh đó các hoạt động hưởng ứng: chạy Marathon, tour xe đạp doanh nhân, thành lập các câu lạc bộ[34] góp phần tuyên truyền, vận động, phối hợp với nhân dân tích cực tham gia Chương trình bảo vệ môi trường làm cho Huế xanh – sạch – đẹp hơn.

---

[32]hạ tầng khu công nghiệp Tứ Hạ (giai đoạn 1): vẫn còn 03 hộ dân chưa đền bù xong. Đến nay, dự án đã hoàn thành thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; đã hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và cho thuê đất 23,2ha, dự kiến hoàn thành vào quý IV/2019, khối lượng thực hiện khoảng 100 tỷ đồng, chiếm 47,6% vốn đăng ký

[33]gồm dự án Phục hồi tôn tạo địa đạo khu ủy Trị Thiên Huế đang vướng mắc rà phá bom mìn, đánh giá tác động môi trường; dự án Bảo tồn và phát huy khu chứng tích Lao Thừa Phủ do điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh dự án; 02 dự án là dự án Chiếu sáng mỹ thuật xung quanh Hoàng Thành và Bảo tồn, Tu bổ và tôn tạo di tích cầu ngói Thanh Toàn do Đang lấy ý kiến về thiết kế của Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch; dự án Bảo tồn, tu bổ di tích Đàn Nam Giao(giai đoạn 1) đang thiết kế bản vẽ thi công và 03 dự án Trường THPT Nguyễn Trường Tộ(giai đoạn 1), Trường THPT Bình Điền(giai đoạn 2), Nhà làm việc, hội trường Công an huyện P.Vang đang tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

[34] CLB đàn ghita, CLB kỹ năng công tác xã hội, CLB an ninh trật tự đô thị...

Các hoạt động văn hóa gắn phát triển kinh tế: Hội thảo Khoa học "*Phát huy giá trị văn hóa Huế trong xây dựng thương hiệu áo dài Huế*" nhằm tôn vinh nét đẹp văn hóa áo dài, phát triển thương hiệu áo dài Huế gắn với sản phẩm du lịch đặc trưng nổi tiếng của Cố đô Huế; các chương trong khuôn khổ Festival Nghề truyền thống Huế năm 2019 kết hợp xúc tiến thương mại, gắn các sản phẩm nghề truyền thống với du lịch, với thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế. Đã tổ chức Ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc thiểu số 5 tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Lào, khu vực miền Trung, Tây Nguyên năm 2019 tại huyện A Lưới.

Đã diễn ra Lễ khai mạc và xuất phát chặng đua xe đạp thứ 4 "cầu Trường Tiền - cầu Phú Xuân" tranh Cúp truyền hình TP. Hồ Chí Minh "Non sông liền một dải" lần thứ 31. Khai mạc Giải Karate miền Trung và Tây Nguyên lần IV năm 2019 với sự góp mặt của hơn 200 vận động viên nam, nữ đến từ 13 tỉnh, thành phố trong khu vực. Tham gia giải Karate các CLB Quảng Bình mở rộng lần thứ I-2019 với gần 500 VĐV đến từ 22 đơn vị, Đoàn Thừa Thiên Huế góp mặt với 25 VĐV nam, nữ giành được giải Nhất toàn đoàn với 13 HCV, 3 HCB, 6 HCĐ. Khai mạc Giải khiêu vũ thể thao (*Dance Sport*) Trung tâm Thể thao Thừa Thiên Huế mở rộng lần thứ I năm 2019 với hơn 275 vận động viên từ 24 đoàn thi đấu 257 nội dung. Tham gia Giải vô địch đá cầu các đội mạnh toàn quốc 2019 tại tỉnh Phú Thọ với hơn 100 VĐV của 9 tỉnh, Thừa Thiên Huế giành giải Ba toàn đoàn với 1 HCV đôi nữ và 1 HCĐ đồng đội nữ.

6.2. Giáo dục đào tạo

Đã hoàn thành công tác thi kết thúc học kỳ 2, tổng kết năm học 2018-2019; tổ chức phát thưởng học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp tỉnh. Trong đó, kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh có 1.117 học sinh đạt giải (*chiếm 42% học sinh tham dự)*; so với năm trước *giảm 79 em tham dự nhưng tăng 335 giải*, trong đó 38 học sinh đạt giải Nhất (*tăng 19 em*); kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp quốc gia tại Thừa Thiên Huế, kết quả đạt 52 giải (*3 giải nhất, 11 giải Nhì, 16 giải Ba và 22 giải Khuyến khích*). Đáng chú ý học sinh Lê Công Minh Hiếu học sinh lớp 11 Quốc Học (*thành viên nhỏ tuổi nhất trong 8 thành viên của Đội tuyển Việt Nam*) đoạt huy chương Đồng Olympic Vật lý Châu Á 2019.

Đến nay, toàn tỉnh có 365/584 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 62,5%, tăng 35 trường so với đầu kỳ kế hoạch. Tỷ lệ bán trú ở nhà trẻ đạt 99,7%, mẫu giáo đạt 99,4%. Tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày là 89,76%;trong đó tỷ lệ học sinh bán trú chiếm 21,87%.Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tiếp tục nâng cao về chất lượng và số lượng. Có 94,74% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn "xóa mù chữ" mức độ II; tiếp tục giữ vững 100% xã, phường, thị trấn đạt các chuẩn "phổ cập giáo dục" đối với Mầm non cho trẻ 5 tuổi, Tiểu học mức độ III và Trung học cơ sở mức độ II. Hiện nay, đang chuẩn bị và kiểm tra các điều

kiện vật chất phục vụ thi và tuyển sinh kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2019-2020.

Đã tổ chức thành công Cuộc thi KHKT cấp tỉnh dành cho học sinh trung học với 136 đề tài tham gia dự thi trong đó đã chọn 6 đề tài xuất sắc tham dự Cuộc thi cấp Quốc gia. Ngành Giáo dục Thừa Thiên Huế đạt 01 giải Nhất và 03 giải Nhì vòng Chung kết toàn quốc "An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai"[35].

Năm 2019, Đại học Huế dự kiến tuyển sinh với 12.460 chỉ tiêu[36], tăng 1,7% so năm 2018 cho 122 ngành đào tạo đại học (trong đó có 19 chuyên ngành mới) của 12 trường, khoa, phân hiệu trực thuộc; tăng 1,7% so với năm 2018. Nhân Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập, Trường Đại học Kinh tế Huế đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất, phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng cho những thành tích xuất sắc của nhà trường trong thời gian vừa qua. Đại học Huế đã xây dựng và trình Văn phòng Chính phủ đề án đơn vị dự toán cấp 1 tương tự hưởng cơ chế như hai Đại học Quốc gia Hà nội và Hồ Chí Minh.

6.3. Y tế và chăm sóc sức khỏe

Đã tăng cường công tác giám sát dịch tễ, chú trọng tuyên truyền, kiểm tra giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm, các chợ, các quầy hàng kinh doanh.

Công tác khám và chữa bệnh ngày càng được tăng cường. Hiện nay, đang xây dựng cơ sở dữ liệu để làm Hồ sơ sức khỏe điện tử, đạt trên với 95% người dân toàn tỉnh; trong đó trên 68% người dân đã được tạo lập Hồ sơ sức khỏe điện tử. Tính đến ngày 31/3/2019, tỷ lệ tham gia BHYT toàn dân đạt 98,82% dân số. Trên địa bàn tỉnh có 366 bệnh nhân đang được quản lý và điều trị tại các cơ sở y tế, trong đó có 359 bệnh nhân điều trị ARV. Qua xác định[37], tổng số người sử dụng ma túy trên địa bàn toàn tỉnh là 1.613 người. Trong đó: người nghiện ma túy: 377 người; số người nghi nghiện ma túy: 1.236 người[38].

Đã cơ bản hoàn thành xây dựng Dự thảo Đề án Phát triển Y tế Thừa Thiên Huế thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh và Dự thảo Đề án Triển khai mô hình điểm Trạm y tế hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình giai đoạn 2019 – 2025. Ban hành kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 16/4/2019 về việc hành động

---

[35] Với quy mô hơn 1,2 triệu bài thi của học sinh và giáo viên trung học do Bộ Giáo dục đào tạo phối với Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và Công ty Honda Việt Nam tổ chức

[36]Trong đó: 1.299 chỉ tiêu xét tuyển theo kết quả thi trung học phổ thông quốc gia; 1.161 chỉ tiêu theo phương thức khác; bao gồm Đại học Nông lâm 2280 chỉ tiêu; Đại học Kinh tế 1700; Đại học Khoa học 1445; Đại họcNgoại ngữ 1420; Đại học Sư phạm 1395; Đại học Y Dược 1380; Khoa Du lịch 1250; Đại học Luật 1100; Phân viện Đại học Huế tại Quảng Trị 200; Đại học Nghệ thuật 185; Khoa Quốc 110; Khoa Giáo – thể chất 45.

[37] Người nghiện ma túy đã được cơ quan y tế xác định tình trạng nghiện ma túy; người tham gia điều trị methadone; người đang cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện; người nghi nghiện ma túy là những người mà cơ quan chức năng có tài liệu sử dụng ma túy nhưng chưa được cơ quan y tế xác định tình trạng nghiện

[38] Phân theo địa bàn: thành phố Huế: 314 người nghiện; thị xã Hương Thủy: 03 người nghiện; thị xã Hương Trà: 14 người nghiện; huyện Phú Lộc: 06 người nghiện; huyện Phú Vang: 25 người nghiện; huyện Phong Điền: 05 người nghiện; huyện Quảng Điền: 02 người nghiện; huyện A Lưới: 08 người nghiện. Toàn tỉnh có huyện Nam Đông chưa phát hiện người nghiện ma túy.

ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2019 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 của ngành y tế tỉnh.

Công suất sử dụng giường bệnh kế hoạch toàn tỉnh đạt 98,89%. Mạng lưới y tế cơ sở cơ bản được hoàn chỉnh, đến nay, 148/152 trạm y tế đạt chuẩn (đạt 97,4%). Hiện tại có 4 trạm Y tế phường - xã và 1 phòng khám tư nhân thành lập theo mô hình phòng khám Bác sĩ gia đình với cơ cấu 01 bàn khám, do bác sĩ có chuyên môn về Y học gia đình phụ trách.

6.4. Khoa học công nghệ

Đang triển khai thực hiện 25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh[39] và xây dựng 02 nhiệm vụ cấp quốc gia. Đang triển khai các hoạt động Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019; thực hiện các giải pháp hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh. Hoàn chỉnh dự án "Phát triển vùng bưởi thanh trà Huế đạt chuẩn VietGap gắn với chỉ dẫn địa lý bưởi thanh trà Huế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (do Dự án Trường Sơn Xanh tài trợ); đang xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm dầu tràm Huế.

Đã tổ chức các hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 như hướng dẫn, tuyên truyền, kết nối.. cho các ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, cao đẳng, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, tổ chức tập huấn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với chủ đề "Tìm kiếm nguồn vốn trong khởi nghiệp"; tổ chức Diễn đàn khởi nghiệp và Phát động cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019, thu hút hơn 400 đại biểu tham gia.

Đang xây dựng các nhiệm vụ Dự án Bảo tàng thiên nhiên duyên hải miền Trung[40]; đang làm việc với đại diện tổ chức DCA, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam nhằm mở rộng các mối quan hệ và hợp tác phát triển.

Đã triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh

6.5. Lao động việc làm, an sinh xã hội

a) Giải quyết việc làm – dạy nghề

Đã tổ chức 12 phiên giao dịch việc làm[41] với gần 400 doanh nghiệp tham gia; nhu cầu tuyển dụng 30.657 vị trí việc làm, lao động; lao động tham gia sàn 8.544 lượt người; lao động được sơ tuyển 1.754... Kết quả đã giải quyết việc làm

---

[39] trong đó: 15 nhiệm vụ năm 2018 và 10 nhiệm vụ năm 2019

[40] 5 nhiệm vụ: (1) Tổ chức Sưu tầm, lưu giữ, xử lý và bảo quản các mẫu vật; (2) Tổ chức trưng bày, triển lãm và các hoạt động phù hợp nhằm giới thiệu một cách đầy đủ và toàn diện về giá trị thiên nhiên của tỉnh, các tỉnh duyên hải miền Trung và cả nước; (3) Xây dựng cơ sở khoa học thu thập bộ mẫu vật về thiên nhiên thuộc vùng duyên hải miền Trung

[41] 08 phiên tại sàn giao dịch, phối hợp 03 trường Đại học tổ chức sàn giao dịch và tổ chức thành công ngày Hội tuyển sinh, tuyển dụng lao động

mới cho hơn 8.680 lao động[42], đạt 54,3% kế hoạch; trong đó có 750 lao động đi làm việc nước ngoài, tăng 75%, chủ yếu tại các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.... Đã giải quyết chế độ Bảo hiểm thất nghiệp cho 2.077/2.464 người đăng ký hưởng bảo hiểm thất nghiệp với tổng số tiền 29,129 tỷ đồng, trong đó, chi hỗ trợ học nghề 342 triệu đồng. Đã cấp 66 giấy phép và giấy xác nhận miễn cấp giấy phép lao động người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh; đến nay có 293 người lao động nước ngoài đang làm việc trên địa bàn tỉnh[43].Đã đẩy mạnh công tác huấn luyện về ATVSLĐ[44]; tổ chức tốt Tháng công nhân và Tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động lần thứ III, năm 2019.

Đã tổ chức thành công "*Ngày hội tư vấn, định hướng, tuyển sinh học nghề tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019*"[45](ngày 31/3/2019). Đến nay, đã tuyển sinh 6.958 người, đạt 46,6% kế hoạch (trong đó, cao đẳng: 70 học viên; trung cấp: 401 học viên; sơ cấp và dưới 3 tháng 6.487 học viên). Các cơ sở cao đẳng nghề được phân bổ kinh phí để đầu tư trang thiết bị phục vụ nghề trọng điểm[46].

b) Công tác giảm nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2018 qua điều tra còn 5,03%, giảm 0,95% so với năm 2017[47]. Tỷ lệ hộ cận nghèo còn 4,93%, giảm 0,29%. Đã phân công các sở, ban, ngành, đơn vị, trường học giúp đỡ xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25%[48], đến cuối năm 2018 còn 15 xã, giảm 4 xã so với năm 2015, và 3 xã gần thoát khỏi tỷ lệ nghèo trên 25%[49]. Đang thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo năm 2019. Bên cạnh đó, đang tích cực truyền thông xuất khẩu lao động gắn với giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận được với cơ hội việc làm và các mô hình sản xuất tiên tiến để nâng cao thu nhập; đôn đốc

---

[42] trong đó 1.908 lao động được tuyển thông qua tư vấn tại Ngày hội *"Tuyển sinh - Tuyển dụng lao động"* và các phiên giao dịch việc làm do sở tổ chức; 642 lao động có việc làm nhờ vốn vay giải quyết việc làm, 3.450 lao động có việc làm nhờ doanh nghiệp tuyển dụng mới

[43] Trong đó, số người lao động nước ngoài có giấy phép 221 người, số người thuộc diện xác nhận miễn cấp giấy phép lao động 72 người.

[44]Phối hợp với Cục An toàn vệ sinh lao động tổ chức lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 45 học viên theo Thông tư 31/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động – TB & XH về quy định chi tiết hoạt động huấn luyện ATVSLĐ cho người làm công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tổ chức tập huấn công tác an toàn vệ sinh lao động cho 100 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

[45]Ngày hội tư vấn, định hướng, tuyển sinh học nghề năm 2019 với sự tham gia gần 3.000 học sinh của 72 trường (bao gồm các trường: THCS, THPT, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh) vào ngày 31/3/2019 tại Trường Trung cấp Âu Lạc Huế.

[46] Trường Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Giao thông Huế, CĐ nghề Thừa Thiên Huế (đã được Bộ LĐ-TBXH phân bổ kinh phí).

[47] vượt chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo do Chính phủ giao và Nghị quyết Tỉnh ủy đề ra, song chưa đạt chỉ tiêu của UBND tỉnh là giảm 1,06% đề ra. Trong đó: huyện A Lưới tỷ lệ 21,51% (*giảm 3,48% so năm 2017*), huyện Nam Đông 7,83% (*giảm 2,33%*), huyện Quảng Điền 7,56% (*giảm 1,65%*); huyện Phú Lộc 5,81% (*giảm 1,59%*); huyện Phú Vang 5,63% (*giảm 0,9%*); huyện Phong Điền 5,29% (*giảm 1,05%*); thị xã Hương Trà 3,8% (*giảm 0,77%*); thị xã Hương Thủy 2,99% (*giảm 0,40%*); thành phố Huế 1,7% (*giảm 0,21%*).

[48]Thực hiệo theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 25/01/2017

[49] Trong đó: Nam Đông còn 02 xã; A Lưới còn 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25%; trong đó 04 xã thuộc huyện A Lưới có tỷ lệ hộ nghèo trên 40%: Hồng Trung (*44,19%*), Hồng Vân (*42,67%*); Đông Sơn (*40,84%*) và Hồng Thái (*40,06%*).

đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giảm nghèo, nhất là dự án ở các xã đặc biệt khó khăn và xã 135.

c) Chăm lo chính sách xã hội, người có công

Thực hiện kịp thời các chế độ, chính sách xã hội đối với người có công, hộ nghèo,đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội và các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đã phân bổ kinh phí Trung ương về điều dưỡng người có công với 12,576 tỷ đồng[50]. Đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng thương binh, bệnh binh, người có công và các đối tượng khác 244.740 suất quà với tổng số tiền 59,7 tỷ đồng. Trong đó 43.607 suất quà cho người có công với tổng số tiền 8,5 tỷ đồng[51]; hỗ trợ quà Tết cho 201.133 người dân thuộc hộ nghèo, đối tượng hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội và các gia đình có hoàn cảnh khó khăn khác với tổng số tiền 51,2 tỷ đồng từ ngân sách của tỉnh và thông qua các nguồn vận động của UBMTTQVN tỉnh, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp...

Đã tổ chức chúc thọ, mừng thọ cho 150 người cao tuổi tròn 100 tuổi, 1.248 người cao tuổi tròn 90 tuổi với tổng kinh phí 961,2 triệu đồng; chi trả kịp thời cho 56.570 đối tượng, hộ gia đình và cá nhân hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng với kinh phí trên 20,6 tỷ đồng; cấp 387 thẻ BHYT cho đối tượng được nuôi dưỡng có thời hạn với tổng kinh phí 242,6 triệu đồng. Đã tổ chức Lễ truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng đối với 73 mẹ, đưa tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng toàn tỉnh đến nay là 2.349 Mẹ.

Đã tổ chức Lễ an táng 18 hài cốt liệt sĩ hy sinh tại nước bạn Lào về tại nghĩa trang liệt sĩ thành phố Huế; lấy mẫu sinh phẩm của 18 hài cốt liệt sĩ chuyển, đề nghị Cục Người có công giám định xác định danh tính liệt sĩ. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp các công trình nghĩa trang liệt sĩ với tổng kinh phí 18,6 tỷ đồng[52].

d) Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới

Đã tặng quà và tổ chức nhiều hoạt động thiết thực khác cho trẻ em đặc biệt khó khăn đang được nuôi dưỡng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội và trẻ em con hộ nghèo tại các địa phương; tổ chức lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em với những hoạt động từ thiện thiết thực: đã trao 225 suất học bổng trị giá 67,5 triệu đồng; 25 xe đạp trị giá 45 triệu đồng; 1.557 phần quà với trị giá 46.710 triệu đồng. Riêng, Quỹ Bảo trợ trẻ em qua 6 tháng đã vận động và hỗ trợ hơn 1,5 tỷ đồng cho gần 3.000 trẻ hưởng lợi. Kịp thời hỗ trợ 8 trường hợp trẻ em bị đuối nước[53] và một số trường hợp bị bạo hành, tai nạn giao thông...Công tác Bình đẳng giới vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh được kiện toàn.

---

[50] Trong đó, 2.468 suất điều dưỡng tập trung, 338 suất điều dưỡng ngoại tỉnh và 5.614 suất điều dưỡng tại gia đình với tổng kinh phí 12,5 tỷ đồng.

[51] Trong đó: Chuyển 28.980 suất quà của Chủ tịch nước với tổng số tiền 5,4 tỷ đồng; Tỉnh trích ngân sách 851 triệu đồng để tặng quà cho 4.055 đối tượng chính sách còn lại và hộ chính sách tiêu biểu; 845 suất của các huyện, thị xã, thành phố với tổng số tiền 388 triệu đồng; 9.727 suất của các xã, phường và thị trấn với tổng số tiền 1,8 tỷ đồng

[52] Trung ương phân bổ: 15,4 tỷ đồng (thành phố Huế 12 tỷ), kinh phí trích từ Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" của Tỉnh là 1,2 tỷ và ngân sách địa phương 02 tỷ đồng.

[53] (Quảng Điền: 2, Phú Vang: 3, Phong Điền: 2, Phú Lộc: 1)

7. Về tài nguyên môi trường

Cơ bản hoàn thành thống kê đất đai năm 2018; đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện; phê duyệt 6/9 đơn vị cấp huyện về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Đã ban hành Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế[54]. Đã điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung một số nội dung tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 05 năm (2015 - 2019)[55]. Đang xây dựng Bảng giá đất 05 năm 2020-2024.

Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất thực hiện quy định, đã giao đất 03 dự án với tổng diện tích 19,88 ha, cho thuê đất 17 dự án với diện tích 120,61 ha; đang làm thủ tục thu hồi 0,74 ha[56].

Đang thực hiện đề án "Đánh giá tiềm năng và giải pháp khai thác cát nội đồng vùng Phú Vang - Phú Lộc" và đề án "Xác định hệ số quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế". Khai thác khoáng sản thực hiện đấu giá đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Cuộc vận động toàn dân xây dựng Thừa Thiên Huế xanh - sạch - sáng, không rác thải qua Chương trình "Ngày chủ Nhật Xanh", chương trình "Nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần" đã phát huy tính hiệu quả phần rất lớn cải thiện môi trường. Đang đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án thu gom chất thải rắn trên địa bàn tỉnh[57]. Tăng cường thanh kiểm tra về môi trường: Đã phát hiện 51 vụ vi phạm môi trường, giảm 17 vụ, đã tiến hành xử lý 45 vụ với tổng số tiền phạt 212,5 triệu đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu: thải nước thải ra môi trường không qua xử lý; vận chuyển đất đá, cát sạn rơi vãi và vận chuyển thực phẩm bẩn không rõ nguồn gốc, vận chuyển động vật không đảm bảo điều kiện thú y.

8. Công tác nội vụ, đối ngoại, quốc phòng an ninh

8.1. Công tác nội vụ

a) Công tác tổ chức bộ máy nhà nước

Tiếp tục kiện toàn và sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh, gọn và hoạt động có hiệu quả. Đã thực hiện hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn thuộc các sở, ngành[58]. Đang xây dựng phương án sáp nhập, hợp

---

[54] Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 08/5/2019

[55] Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 và Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 05/5/2019

[56]Trung tâm thương mại An Hòa của Công ty TNHH Hoàng Phú 0,6 ha; Trụ sở làm việc của Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo phát triển cộng đồng (RTCCD) 0,14 ha.

[57]Dự án thu gom chất thải rắn xã Phú Hải, Phú Vang đã hoàn thành; Dự án thu gom và xử lý rác thải các xã Ngũ Điền, Phong Điền đang thi công, đạt 40% khối lượng; Dự án bãi rác Hương Bình đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, dự kiến khởi công trong tháng 6/2018; Dự án MR hãi chôn lấp rác Thủy Phương đang thi công, đạt 70% khối lượng; Dự án bãi chôn lấp rác Phú Sơn đang thi công, đạt 60% khối lượng;Dự án lò đốt rác Phú Sơn đã mở thầu lựa chọn nhà đầu tư, đang tổ chức xét thầu. Số liệu này năm ngoái cần cập nhập lại

[58]gồm Sở Tài chính, VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ và Ban Thi đua - Khen thưởng, Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ). Ngoài ra, các đơn vị như Ban Dân tộc, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa và Thể thao đang hoàn thành phương án kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị mình.

nhất các thôn, xã trên địa bàn theo quy định của Nghị quyết 37-NQ/TW về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã.

b) Công tác cải cách hành chính

Đến nay, toàn tỉnh có 2.132/2.132 thủ tục hành chính (TTHC) được đưa vào thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, 9 Trung tâm Hành chính công cấp huyện và 88 Bộ phận TN&TKQ cấp xã (dự kiến cuối năm sẽ đạt 152/152 xã); trong đó công bố 1.135 TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, chiếm 53,2% TTHC. Phân theo cấp: 1.676 TTHC cấp sở (có 336 TTHC liên thông); 321 TTHC cấp huyện (có 35 TTHC liên thông); 135 TTHC cấp xã (có 17 TTHC liên thông). Phân theo dịch vụ công trực tuyến: 671 TTHC mức độ 4, chiếm tỷ trọng 31,5%; 855 TTHC mức độ 3, chiếm 40,1%.

Đã công bố kết quả đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính năm 2018 (*Par-Index*) và Công bố Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh các sở ban ngành và địa phương (*DDCI*) lần đầu tiên trên địa bàn tỉnh. Đáng chú ý, kết quả của 02 bộ chỉ số độc lập này đến từ 02 góc nhìn[59] có những đánh giá tương đồng[60]

Chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin (ICT) năm 2018 xếp thứ 2 toàn quốc. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh đứng thứ 30, giảm 01 bậc, với 63,51 điểm, tăng 1,14 điểm thuộc "Nhóm Khá" của cả nước so với đứng đầu "Nhóm Trung bình" của năm trước. Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đạt 43,2/80 điểm đứng thứ 43, giảm 6 bậc. Chỉ số cải cách hành chính (PAR index) đứng thứ 16, tăng 7 bậc. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2018 đứng thứ 31 của cả nước.

8.2. Công tác đối ngoại

Đã đón tiếp và làm việc 412 đoàn khách quốc tế/2527[61] lượt khách quốc tế đến thăm, làm việc, tìm hiểu cơ hội hợp tác, xúc tiến đầu tư - thương mại, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế. Đã ký kết 02 Bản ghi nhớ hợp tác với đối tác Pháp và Hàn Quốc[62]; đang chuẩn bị ký kết 02 Bản ghi nhớ hợp tác giữa tỉnh với

---

[59]Par-Index là đánh giá của Sở Nội vụ; DDCI là đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp với hơn 1.200 doanh nghiệp tham gia khảo sát

[60] Sở Y tế (*xếp thứ 2 về Par-Index, xếp thứ nhất về DDCI*), Sở Du lịch (*lần lượt: 3, 2*), Sở Ngoại vụ (*6, 3*), Sở Nội Vụ (4, 5); Nam Đông (2, 2), Quảng Điền (2, 1); trong khi đó xếp hạng thấp ở một số đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư (18, 17); Sở Công thương (20, 22); Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh (21, 16) ...

[61] Đại sứ Đức; Đại sứ Canada; Đại sứ Cuba; Hiệp hội Nghề Truyền thống Hàn Quốc; Tập đoàn KMH (Hàn Quốc); Đại biện Lâm thời Luxembourg; Đoàn Nguyên Đại sứ Nhật Bản và Tập đoàn Mitani Sangyo (Nhật Bản); Đoàn khảo sát Ngân hàng Juroku (Nhật Bản); Đoàn Thị trưởng TP Dresden (Đức); Đoàn Phó Thủ tướng Singapore; Đoàn TLS Trung Quốc tại Đà Nẵng; Đoàn Nghị sĩ Hoa Kỳ; Đoàn Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch Lào; Đoàn Đại sứ quán Lào tại Việt Nam; Tổng Lãnh sự quán Lào tại Đà Nẵng; Đoàn đại hiểu tỉnh Salavan (Lào); Đoàn đại biểu tỉnh Sê Kông (Lào); Đoàn đại biểu tỉnh Savannakhet (Lào); Đoàn đại biểu tỉnh Attapu (Lào); Đoàn Cố vấn cao cấp Chương trình Tình nguyện viên JICA (Nhật Bản); Đoàn Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc KOICA...

[62]Bản ghi nhớ hợp tác giữaUBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Chính quyền Cộng đồng Đô thị Grand Poitiers (Pháp),ký kết ngày 04/4/2019 tại thành phố Grand Poitiers; Bản ghi nhớ về Chương trình thung lũng đô thị thông minh tại miền Trung Việt Nam giữa Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Quảng Nam, ký kết ngày 16/5/2019 tại Huế.

02 đối tác Đức và Thái Lan[63]. Đến nay, tỉnh thường xuyên duy trì và có quan hệ hợp tác với hơn 45 nước trên thế giới; có 76 tổ chức phi chính phủ nước ngoài có đăng ký còn hoạt động tại địa bàn tỉnh.

8.3. An toàn giao thông

Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 212 vụ tai nạn và va chạm giao thông đường bộ, tăng 13 vụ; làm chết 72 người, tăng 03 người; bị thương 181 người, tăng 08 người. Trong đó, tai nạn đường bộ xảy ra 205 vụ, tăng 9 vụ so với cùng kỳ; làm chết 68 người, tăng 2 người; bị thương 179 người, tăng 6 người. Tai nạn đường sắt xảy ra 7 vụ, tăng 4 vụ; làm chết 4 người, tăng 1 người; bị thương 2 người, tăng 2 người. Tai nạn đường thủy không xảy ra, không tăng giảm so cùng kỳ. Đáng chú ý, từ ngày 16/4/2019 đến ngày 15/5/2019 đã xảy ra 48 vụ tai nạn và va chạm giao thông đường bộ, tăng 20 vụ so với cùng kỳ năm trước; làm chết 12 người, tăng 9 người; bị thương 50 người, tăng 25 người.

8.4.Quốc phòng – an ninh,trật tự xã hội và phòng chống cháy nổ

a) Quốc phòng - an ninh, trật tự xã hội

Đã tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ an toàn tuyệt đối trong các dịp, lễ hội, kỷ niệm và các chuyến thăm và làm việc của các đoàn công tác cấp cao. Tình hình ANCT-TTATXH ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Đã triển khai nhiệm vụ quốc phòng - an ninh năm 2019. Các địa phương đã tổ chức lễ giao quân năm 2019. Tổ chức thành công Hội nghị Nâng cao chất lượng Cảnh sát khu vực trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch bảo vệ an toàn tuyệt đối công sở và an ninh trật tự tại các địa điểm công cộng, khu dân cư, các địa bàn trọng điểm. Đã tổ chức Hội nghị Phòng chống tệ nạn ma túy.

b) Về tình hình phòng chống cháy nổ

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 20 vụ cháy, giảm 8 vụ so cùng kỳ năm trước; làm bị thương 2 người; không có trường hợp tử vong; giá trị thiệt hại 162,8 triệu đồng. Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do người dân sử dụng điện không đảm bảo an toàn để xảy ra chập điện gây cháy. Tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng huyện Phú Lộc năm 2019.

9. Những hạn chế, yếu kém

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội vẫn còn những hạn chế, yếu kém:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,87%, cao hơn cùng kỳ năm 2018 (5,92%) nhưng không đạt như kỳ vọng đạt ra, một số năng lực mới ngành công nghiệp tạo giá trị gia tăng cao nhưng chậm đưa vào hoạt động sản xuất như các dự án thủy điện A Lin B1, A Lin B2, Rào Trăng; dự án công nghệ thông tin ...,

[63]Bản ghi nhớ hợp tác kết nghĩa giữa UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Chính quyền thành phố Dortmund (Đức);Bản ghi nhớ giữa UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế và Chính quyền tỉnh Ubon Ratchathani (Thái Lan).

chưa có nhân tố mới đột phá làm ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng quy mô nền kinh tế.

- Hạ tầng phục vụ du lịch chưa đồng bộ, chưa hình thành được các tua tuyến để kết nối kéo dài thời gian lưu trú của khách; chưa kêu gọi được các nhà đầu tư ngành công nghiệp tạo giá trị tăng cao vào địa bàn; chậm triển khai các trung tâm thương mại, đầu tư nâng cấp chợ Đông Ba.

- Tiến độ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách còn chậm, không đúng tiến độ đăng ký, mặc dù Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết rà soát, giám sát tiến độ các dự án ngoài ngân sách và các sở, ngành đã tích cực đôn đốc, hỗ trợ thực hiện.

- Ảnh hưởng của bùng phát dịch tả lợn Châu Phi đã làm thiệt hại đến ngành chăn nuôi.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế, KCN chưa đồng bộ, hệ thống xử lý nước thải KCN (trừ KCN Phú Bài) chưa được đầu tư xây dựng đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thu hút các nhà đầu tư thứ cấp.

- Chất lượng tham mưu trong công tác xúc tiến đầu tư, quản lý giám sát trong xây dựng, đất đai, đầu tư chưa cao đã làm ảnh đến hiệu quả đầu tư và thu hút đầu tư các dự án ngoài ngân sách. Công tác quy hoạch thiếu đồng bộ, chậm triển khai các các quy hoạch phân khu. Hệ số giá đất chậm ban hành làm ảnh hưởng công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng nhiều chỉ số cải cách hành chính tụt hạng PCI, PAPI, tuy có tăng số điểm nhưng vẫn chưa theo kịp các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, để đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất, hoàn thành kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2019, các sở ban ngành, địa phương cần thực hiện nghiêm túc, quyết liệt và có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã đề ra trong Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30/11/2018 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và các kế hoạch khác ban hành. Trong đó, tập trung chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Chỉ đạo ổn định và phát triển sản xuất, phấn đấu thực hiện đạt kế hoạch tăng trưởng kinh tế đã đặt ra trong năm 2019

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm chủ lực đã có; hỗ trợ sản xuất kinh doanh phát huy năng lực tăng

thêm của các dự án mới đi vào hoạt động trong năm: Dự án nhà máy sản xuất frit của Công ty CP Men Frit; Nhà máy sản xuất gạch ốp lát granit của Công ty Vitto Phú Lộc; Dự án nhà máy sản xuất vật liệu Cristobalite của Công ty PHENIKAA Huế. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành đưa vào hoạt động trong năm 2019; cụ thể: Dự án đầu tư xây dựng Bến cảng số 3 (dự kiến cuối năm 2019); bến cảng số 2 (dự kiến đầu năm 2020); Khu du lịch nghỉ dưỡng Quốc tế Minh Viễn Lăng Cô (dự kiến cuối năm 2019), Dự án Khu nghỉ dưỡng Huyền thoại Địa Trung Hải, Nhà máy điện mặt trời Phong Điền II ; Dự án Nhà máy kéo sợi 2.688 Rotor của Công ty CP Sợi Phú Quang (dự kiến Quý III-2019); Dự án nhà máy may PPJ – Huế của Công ty CP Dệt may PPJ – Huế (giai đoạn 2 dự kiến cuối năm 2019); Dự án nhà máy sản xuất men frit và men gốm sứ cao cấp của Công ty CP Công nghệ Frit Phú Sơn (dự kiến Quý III-2019).

2. Tập trung công tác xây dựng quy hoạch – kế hoạch, triển khai các đề án, chương trình, dự án đầu tư trọng điểm

Tiếp tục triển khai thực hiện, hoàn thành các đề án, chương trình, dự án theo Chương trình công tác của UBND tỉnh.

Hoàn thành nhiệm vụ Quy hoạch và triển khai lập quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, định hướng 2050; Báo cáo tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Kết luận 48-KL/TW[64]; Xây dựng cơ chế cho đô thị di sản Huế. Hoàn thành điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô; hoàn thành điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Xây dựng Quy hoạch xây dựng vùng cảnh quan sinh thái đầm phá Tam Giang - Cầu Hai; Quy hoạch đường bộ ven biển; Quy hoạch chung xây dựng dải du lịch – đô thị - thương mại (từ thị trấn Thuận An đến xã Lộc Bình); Điều chỉnh quy hoạch các dự án kêu gọi đầu tư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới.

Xây dựng báo cáo kinh tế-xã hội và đầu tư công năm 2020. Rà soát đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020. Xây dựng kế hoạch liên kết và triển khai các hoạt động trong khuôn khổ vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung, vùng duyên hải Miền Trung sau Hội nghị "Phát triển du lịch miền Trung và Tây Nguyên". Chuẩn bị Hội nghị thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh, Hội nghị về chính quyền điện tử (Egov) và Hội nghị xúc tiến đầu tư về công nghệ thông tin.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ và quyết liệt triển khai một số nhiệm vụ theo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với tỉnh Thừa Thiên Huế tại Thông báo số 26/TB-VPCP ngày 17/01/2018, Thông báo 431/TB-VPCP ngày 16/11/2018, Thông báo số 18/TB-VPCP ngày 11/01/2019, Thông báo 212/TB-

[64] Trong đó tập trung xây dựng 03 Báo cáo chuyên đề: Phát triển bền vững Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045; Vai trò Thừa Thiên Huế trong liên kết phát triển vùng; Vai trò liên kết vùng đối với sự phát triển bền vững của tỉnh tỉnh Thừa Thiên Huế: thực trạng và giải pháp đến 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng thành phố Huế trở thành thành phố di sản cấp quốc gia

VPCP ngày 18/6/2019 của Văn phòng Chính phủ. Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương tập trung triển khai các dự án đầu tư trọng điểm: Dự án di dời các hộ dân khu vực I di tích Kinh thành Huế, đặc biệt hoàn thành đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư để thực hiện di dời các hộ dân sống tại khu vực Thượng Thành trong tháng 10/2019; hỗ trợ triển khai dự án xây dựng mới nhà ga và sân đỗ Cảng hàng không quốc tế Phú Bài; nghiên cứu, hỗ trợ Vietravel thành lập hãng hàng không tại Huế, hỗ trợ Bamboo Airway và các hãng hàng không khai thác mở các đường bay mới; triển khai thi công nâng cấp cao tốc Cam Lộ - La Sơn, dự án hầm đường bộ Hải Vân (4 làn xe). Đẩy nhanh tiến độ thi dự án đê kè, chống sát lỡ sông Hương, cầu cảng Thuận An hoàn thành sớm trước mùa mưa lụt. Xúc tiến, triển khai, tổ chức đấu giá, đấu thầu các dự án đầu tư ngoài ngân sách trong các khu đô thị. Tiếp tục rà soát, giám sát tiến độ các dự án ngoài ngân sách theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh.

3. Đẩy mạnh tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách

Khai thác tốt các nguồn thu và huy động thu, đảm bảo hoàn thành dự toán năm 2019, tập trung bán đấu giá quyền sử dụng đất; thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP; nghiên cứu sắp xếp, giảm, giải thể một số đơn vị tổ chức sự nghiệp trên địa bàn. Rà soát, cơ cấu lại các khoản mục chi ngân sách; tập trung nguồn chi cho các mục tiêu đầu tư phát triển trọng yếu.

Sớm triển khai các đề án[65] để góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực của ngành thuế. Chống thất thu thuế trong lĩnh vực du lịch, triển khai Hệ thống thông tin Quản lý khách lưu trú, thực hiện hóa đơn điện tử. Thực hiện phần mềm kết nối thông tin giữa 2 đơn vị từ dữ liệu quản lý đất đai đến dữ liệu chuyển nhượng, mua bán, cho tặng đất đai và nhà cửa của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Thực hiện tốt công tác phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại tại địa bàn quản lý; tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin với các lực lượng chức năng trên địa bàn như Bộ đội Biên phòng, Cục quản lý thị trường để kiểm soát chặt chẽ các mặt hàng rủi ro cao đã được cảnh báo.

4. Xây dựng đô thị, nông thôn

4.1. Phát triển đô thị

Triển khai lập Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Huế và vùng phụ cận. Hoàn thành các thủ tục để nâng cấp các đô thị mới: Vinh Thanh, Vinh Hiền, La Sơn, Thanh Hà, Phong An, Điền Lộc đạt tiêu chí đô thị loại V.

Triển khai phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo Quyết định 1248/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh; trong đó triển khai phương án

[65] Đề án chống thất thu thuế trong lĩnh vực sử dụng đất, cho thuê đất đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Đề án chống thất thu thuế đối với các trường hợp thuế khoán; Đề án xử lý nợ thuế và thu hồi nợ đọng thuế.

sắp xếp, xử lý và di dời trụ sở một số cơ quan, đơn vị thuộc các tuyến đường Lê Lợi - Nguyễn Huệ phục vụ xây dựng các dự án kêu gọi đầu tư, phương án đấu giá tạo nguồn thu ngân sách.

Hoàn thành các quy định về hạ tầng đô thị: về phân công, phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh; về quy mô, diện tích bãi đỗ xe gắn với công trình, dự án trên địa bàn tỉnh; về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh; về phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn tỉnh; ban hành Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đẩy nhanh tiến độ dự án quy hoạch chi tiết hai bờ sông Hương và dự án mạng lưới kết nối tuyến đường đi bộ phía Nam sông Hương, thành phố Huế (dự án thí điểm do KOICA tài trợ), gắn với không gian nghệ thuật dọc đường Lê Lợi.Tiếp tục nghiên cứu đầu tư các điểm giao thông tĩnh trên địa bàn thành phố Huế và vùng phụ cận.

Vận động toàn dân xây dựng Thừa Thiên Huế sáng – xanh – sạch, không rác thải.

4.2. Thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đề án hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn để sớm đưa các xã điểm, huyện điểm đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch đã đề ra, gắn chương trình nông thôn mới với kế hoạch phát triển HTX kiểu mới và chương trình một xã một sản phẩm. Ưu tiên đầu tư cho các xã theo Nghị quyết của Quốc hội và quy định của Chính phủ; tập trung đầu tư cho các xã gần đạt chuẩn 19/19 tiêu chí. Rà soát các quy hoạch, đề án các xã đã phê duyệt để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến cuối 2019 có từ 54 – 58 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng ít nhất 10-14 xã; đạt tỷ lệ trên 53%.

5. Thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ đi vào chiều sâu; phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

Tiếp tục triển khai Đề án Không gian văn hóa nghệ thuật trung tâm thành phố Huế. Xây dựng Đề án "Đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động Bảo tàng gắn với phát triển Du lịch". Tiếp tục triển khai Đề án Huế - Kinh đô Ẩm thực.

Tiếp tục khai thác hiệu quả Trung tâm điều hành đô thị thông minh. Triển khai dự án Hệ sinh thái du lịch thông minh, xây dựng hệ thống thông tin du lịch thông minh, tạo không gian thông minh, là điểm đến trải nghiệm thân thiện, bền vững với du khách; hệ thống wifi phục vụ phát triển dịch vụ đô thị thông minh.

6. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và các thành phần kinh tế

Tiếp tục tháo gỡ khó khăn vướng mắc, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Điều

chỉnh quy định trình tự, thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm rút ngắn thời gian các thủ tục đầu tư. Soát xét để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án đã cấp chứng nhận đầu tư: BRG, Ecopark, Văn Phú Invest, ... Rà soát các tiêu chí kêu gọi đầu tư. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị triển khai Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia tại Huế. Triển khai kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành doanh nghiệp.

Tiếp tục phổ biến, triển khai thực hiện Quyết định 52/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh, đặc biệt giúp cho các HTX hiểu rõ được chính sách và điều kiện được hỗ trợ. Rà soát các chính sách hỗ trợ, cách thức tiếp cận phổ biến, hỗ trợ các chính sách. Tiếp tục đề ra các tiêu chí các dự án tại khu đầm Lập An, dự án du lịch dịch vụ khu Thủy Biều, Cồn Dã Viên …

Hỗ trợ hộ kinh doanh trong công tác đăng ký thuế, xây dựng sổ tay hướng dẫn thực hiện liên thông giữa cơ quan Đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế cấp huyện. Thực hiện rà soát, chuyển đổi dữ liệu hợp tác xã, Quỹ tín dụng nhân dân lên Hệ thống Thông tin Quốc gia về đăng ký hợp tác xã; tiến tới hộ kinh doanh cá thể.

7. Phát triển công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế khác

Tiếp tục đôn đốc và hỗ trợ các nhà đầu tư hạ tầng triển khai các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN, dự án bến số 2 và số 3 cảng Chân Mây, hạ tầng KCN và Khu phi thuế quan Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô.Tăng cường công tác kiểm tra an toàn đập, hồ chứa, triển khai công tác duy tu bảo dưỡng đảm bảo vận hành hết công suất vào mùa mưa năm 2019 đối với các nhà máy đang vận hành. Thúc đẩy các nhà máy Thủy điện Alin B1, Alin B2, Rào Trăng 4 sớm đưa vào hoạt động.

Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh. Triển khai Đề án phát triển công nghiệp nông thôn, kế hoạch tái cơ cấu ngành công nghiệp xét đến năm 2025.Triển khai chương trình mỗi làng mỗi sản phẩm (OCOP). Rà soát, định dạng các sản phẩm chủ lực trên địa bàn (*nông sản, đặc sản của địa phương, các sản phẩm làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ*) để thực hiện giải pháp hỗ trợ, phát triển triển thị trường, nâng cao giá trị làng nghề[66]. Phấn đấu đến cuối năm 2019 có ít nhất 10 sản phẩm được nâng cấp, tiêu chuẩn hóa; 100% sản phẩm tham gia Chu trình OCOP và được đánh giá xếp hạng.

[66]Quyết định 2114/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 về Quy định Bộ tiêu chí, cách thức lựa chọn sản phẩm chủ lực địa phương và khung giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 về việc ban hành danh mục sản phẩm chủ lực tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2020 và giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2019-2020). Triển khai xây dựng chợ văn minh thương mại, chợ bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; tập trung vào công tác phát triển thị trường gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản suất kinh doanh. Tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ (*góp phần cải thiện dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, tăng điểm PCI*)

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chú trọng lĩnh vực chăn nuôi nhằm nâng cao giá trị gia tăng, gắn với cơ chế thị trường, hướng đến phát triển bền vững. Tiếp tục chỉ đạo sản xuất vụ Hè – Thu; thực hiện các giải pháp ứng phó với tình hình nắng nóng, khô hạn, khai thác tốt nguồn nước đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống. Rà soát, bổ sung một số cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông sản đạt tiêu chuẩn VietGap, nông sản hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao. Xây dựng phát triển các sản phẩm chủ lực gắn liền với xây dựng thương hiệu và chuỗi giá trị. Chuẩn bị "*Hội nghị thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp tỉnh*". Rà soát quy định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp cấp bách khống chế bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh và các giải pháp ổn định chăn nuôi; xử lý dứt điểm các ổ dịch bệnh, hạn chế phát sinh ổ dịch mới; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp buôn bán, giết mổ, vận chuyển lợn, sản phẩm lợn làm lây lan dịch bệnh; xử lý nghiêm các trường hợp che giấu, không khai báo kịp thời động vật mắc bệnh.

8. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội, khoa học công nghệ.

8.1 Văn hóa - thể thao

Hoàn chỉnh, ban hành các Nghị quyết, Quyết định, đề án và kế hoạch về lĩnh vực văn hóa[67]. Tiếp tục triển khai các đề án, quy hoạch, kế hoạch đã phê duyệt[68]. Phổ biến rộng rãi lịch sự kiện và lễ hội trong năm phục vụ cho nhân dân và du khách.Tổ chức các lễ hội văn hóa, thể thao định kỳ gắn kết công tác tuyên truyền, xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là "thành phố Văn hóa ASEAN"; "thành phố Du lịch Sạch ASEAN 2018-2020"; "thành phố Xanh Quốc gia",

[67]Quyết định ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định ban hành quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Đề án đề xuất địa điểm xây dựng tượng đài Quốc tổ Hùng Vương tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Đề án Sưu tầm, bảo quản và phục hồi tư liệu Hán - Nôm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 – 2024; Đề án "Đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động Bảo tàng gắn với phát triển Du lịch"; Kế hoạch triển khai chương trình quốc gia bảo vệ và phát huy tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019 - 2023.

[68]Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Quy hoạch khảo cổ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế; Đề án Không gian văn hóa nghệ thuật trung tâm thành phố Huế; Đề án phát triển Mỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030; Đề án "Xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế định hướng đến năm 2020"; Đề án Bảo tồn và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Ca Huế giai đoạn 2017 – 2022; Đề án bảo vệ và phát huy giá trị di sản nghệ thuật Bài chòi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019 – 2023; Đề án phát triển thể thao thành tích cao định hướng đến năm 2020...

"thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam".Triển khai công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc.

Tập trung công tác chuẩn bị Festival Huế năm 2020. Tiếp tục duy trì phong trào "Ngày Chủ nhật Xanh", phong trào "nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng một lần", để tạo sự chuyển biến lớn trong ý thức cộng đồng xã hội, góp phần xây dựng hình ảnh quê hương "xanh - sạch - sáng".

8.2 Giáo dục và Đào tạo

Triển khai tốt các nội dung về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo" nhất là việc đổi mới dạy và học, đổi mới kiểm tra, đánh giá. Triển khai bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2019. Nâng cao chất lượng công tác Kiểm định giáo dục chất lượng cho các cơ sở giáo dục từ mầm non đến giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên. Tạo những chuyển biến lớn về công tác giáo dục đạo đức, phòng chống bạo lực học đường cho học sinh. Chuẩn bị tổ chức Hội nghị khoa học đổi mới giáo dục và đào tạo Thừa Thiên Huế.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020. Phấn đấu đến cuối năm học 2019-2020 có 392/579 trường đạt chuẩn Quốc gia, tăng 27 trường, đạt tỷ lệ 67,7% trường. Thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2025. Ưu tiên các tập đoàn có thương hiệu triển khai các dự án lớn trên địa bàn.

Đại học Huế tiếp tục thực hiện Đề án tái cấu trúc Đại học Huế; quy hoạch định hướng phát triển Đại học Huế gắn với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và các địa phương khác trong cả nước; triển khai thực hiện lộ trình tự chủ của các đại học thành viên và các cơ sở trực thuộc. Đẩy nhanh đề án phát triển Viện Công nghệ sinh học; nghiên cứu mô hình phối hợp giữa công tác khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế, tiếp tục triển khai đề án thành lập Khoa Đào tạo quốc tế; xây dựng đề án thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Huế; kết hợp hoạt động Trung tâm Công nghệ thông tin và Trung tâm Học liệu, kết nối Trung tâm Thông tin – Thư viện các đơn vị trong toàn Đại học Huế. Xây dựng đề án đào tạo đặc thù các ngành: Sư phạm, khoa học cơ bản, nghệ thuật, năng khiếu và các ngành y (*lao, phong, tâm thần, pháp y, giải phẫu bệnh*); tăng cường đào tạo theo đơn đặt hàng của Nhà nước, đặc biệt khối doanh nghiệp trên địa bàn.

8.3. Y tế và chăm sóc sức khỏe

Tiếp tục thực hiện chương trình hành động thực hiện Đề án Xây dựng và Phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2016 -2025 theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg. Hoàn thành xây dựng Đề án Phát triển Y tế Thừa Thiên Huế

thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh[69] và Đề án Triển khai mô hình điểm Trạm y tế hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình giai đoạn 2019 – 2025. Tiếp tục đôn đốc tiến độ dự án Bệnh viện Đa khoa quốc tế Huế.

Triển khai Hệ sinh thái y tế thông minh giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Triển khai tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Tiếp tục triển khai có hiệu quả đề án chủ động phòng chống các loại dịch bệnh, hạn chế thấp nhất nguy cơ xảy ra dịch bệnh. Đồng thời thực hiện và chủ động phòng, chống các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng. Tăng cường phòng chống dịch bệnh, giám sát dịch tễ, dịch bệnh mùa hè, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; tuyên truyền phòng chống đuối nước.

8.4. Lao động việc làm, giảm nghèo an sinh xã hội

Đẩy mạnh hoạt động 09 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị trường nghề, nghề trọng điểm. Triển khai đào tạo nghề nông thôn. Chú trọng công tác phân luồng, liên thông; chuẩn hoá các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; kết nối đồng bộ giữa đào tạo với tạo việc làm, xuất khẩu lao động. Tổ chức tốt Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019 tại Huế.

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công; tiếp tục rà soát, giải quyết hiệu quả chính sách hỗ trợ người có công, bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm.

Đôn đốc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, nhất là dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Rà soát hộ nghèo năm 2019 - đánh giá đúng thực trạng hộ nghèo trên địa bàn tỉnh; phân loại, xác định nguyên nhân nghèo để kịp thời thực hiện các chính sách, giải pháp giảm nghèo; tạo điều kiện tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh...*).

8.5. Khoa học công nghệ

Hoàn thành ban hành các quy định về lĩnh vực khoa học và công nghệ theo kế hoạch[70]. Triển khai xây dựng danh mục các nhiệm vụ KH&CN năm 2020. Thành lập Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tiếp tục thực hiện "Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh TT-Huế năm 2019", "Kế hoạch tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh TT-Huế"; Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh

[69]Tập trung phát triển lĩnh vực: Khám chữa bệnh, tập trung chuyên ngành kỹ thuật cao thế mạnh của địa phương; Công nghệ hóa dược phẩm; Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ xuất khẩu lao động y tế; Y học cổ truyền; Lĩnh vực công nghệ thông tin y tế; Du lịch khám chữa bệnh

[70]sửa đổi Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; sửa đổi Quyết định Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; sửa đổi Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh về quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của địa phương; Kế hoạch phát triển nhân lực ngành KH&CN đến năm 2020 và giai đoạn 2020-2025

TT-Huế năm 2019, "Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019", "Kế hoạch triển khai việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019" và kế hoạch thực hiện "Dự án năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh".

9. Quản lý tài nguyên và môi trường, thích nghi biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai

Hoàn thành xây dựng Bảng giá đất 05 năm 2020-2024; tiếp tục tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất hoặc cho thuê đất đảm bảo hoàn thành kế hoạch. Hoàn thành các đề án, dự án quan trọng theo kế hoạch[71].

Làm tốt công tác quản lý tài nguyên và môi trường, thích nghi biến đổi khí hậu, phòng tránh vả giảm nhẹ thiên tai. Nghiên cứu, triển khai, xây dựng kế hoạch thỏa thuận Paris theo Quyết định số 2053/TTg ngày 28/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ sau khi có thông báo kinh phí của Bộ Tài nguyên và Môi trường (thực hiện hợp phần biến đổi khí hậu, thuộc chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh).

Triển khai phương án phòng cháy chữa cháy rừng, nhất là lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để thực hiện tốt phương châm "4 tại chỗ - 5 sẵn sàng". Triển khai phương án phòng, chống lụt bão, kịp thời ứng phó với những diễn biến phức tạp của thiên tai. Quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên, khoáng sản trong quản lý đất đai và khai thác cát, sét, sỏi

10. Công tác nội vụ, ngoại vụ, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội

10.1 Công tác nội vụ

Thực hiện Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 – 2021, trong đó sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩnvề diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định[72].

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc xác định địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị tại hai khu vực.

---

[71] dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (ViLG); Đề án "Khoanh định khu vực cấm, hạn chế và đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; dự án "Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế" trình Thủ tướng phê duyệt trong quý IV năm 2019; Đề án "Đánh giá tiềm năng và giải pháp khai thác cát nội đồng vùng Phú Vang - Phú Lộc"; đề án "Xác định hệ số quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai làm căn cứ tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế", để có cơ sở làm căn cứ nộp tiền phí bảo vệ môi trường trong năm 2019.

[72] Qua rà soát, trên địa bàn tỉnh có 07 đơn vị cấp xã chưa đạt 50% cả 02 tiêu chí về diện tích và dân số theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính: A Đớt, Bắc Sơn, Hồng Quảng thuộc huyện A Lưới; Hương Giang (huyện Nam Đông); Hồng Tiến (Thị xã Hương Trà); Vinh Phú (huyện Phú Vang; Vinh Hải (huyện Phú Lộc)

Rà soát, sắp xếp lại hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Tiếp tục triển khai Đề án Bộ phận tiếp nhận &trả kết quả hiện đại cấp xã ở 152/152 xã, phường, thị trấn trong năm 2019. Tăng cường tiếp nhận, giao trả trực tuyến TTHC mức độ 3, mức độ 4, tạo lập hồ sơ, tài khoản trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 10/6/2019 về nâng hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019, phấn đấu nằm trong top 20 của cả nước.

10.2 Công tác đối ngoại

Đẩy mạnh quảng bá về các sự kiện hội nhập quốc tế nổi bật của tỉnh, đặc biệt chuẩn bị năm 2020 Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN và Festival Huế 2020 trong đó Huế là Thành phố Văn hóa thứ 3 của ASEAN[73].

Tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác quốc tế, các thành phố kết nghĩa. Đặc biệt với các địa phương của nước bạn Lào; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện "Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào về giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước"[74]. Kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác biên giới tỉnh theo hướng sáp nhập 2 Ban Chỉ đạo Công tác biên giới tỉnh và Ban Chỉ đạo Biển Đông - Hải đảo tỉnh; xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo mới.

10.2 Quốc phòng- an ninh, trật tự an toàn xã hội

Triển khai tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương năm 2019, chú trọng chất lượng và xây dựng cơ sở xã, phường, cụm an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu và chất lượng công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, bảo đảm thật sự vững mạnh, có độ tin cậy cao. Tăng cường chỉ đạo xây dựng công trình chiến đấu; thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng trên địa bàn.

Tăng cường bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ. Tăng cường các biện pháp nhằm bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an toàn tuyệt đối các ngày lễ lớn. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng chống tội phạm; kịp thời đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động kích động, lôi kéo tụ tập, gây rối an ninh, trật tự công cộng và các loại băng nhóm tội phạm, tệ nạn xã hội, "tín dụng đen", ma túy trên địa bàn.

Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện năm 2019 và diễn tập phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn thị xã Hương Trà năm 2019. Thực hiện có hiệu quả Đề án bố trí công an chính quy đảm nhiệm công an xã. Tăng cường phòng chống cháy nổ; đẩy mạnh thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao

[73] Thành phố Huế được vinh danh Thành phố Văn hóa thứ 3 của ASEAN kể từ năm 2014sau Cebu (Philippines) và Singapore

[74] đã được gia hạn hiệu lực đến ngày 14/11/2019.

thông, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn và ùn tắc giao thông... Chủ động phòng, chống thiên tai trong mùa mưa bão, làm tốt công tác cứu hộ, cứu nạn.

Thường xuyên chú trọng đến công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho các tầng lớp trong xã hội gắn với việc xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn xã hội; Không để xảy ra điểm nóng về tệ nạn xã hội. Tổ chức tốt tháng hành động về phòng, chống ma túy.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019 của tỉnh Thừa Thiên Huế./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TVTU; TT HĐND Tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các CQCM, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh, BCHQS tỉnh, BCH BĐBP tỉnh;
- UBND các huyện, TX và TP Huế;
- Cục Thống kê; Cục Thuế tỉnh, KBNN tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH, HĐND tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ

PHỤ LỤC I: TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG CỦA CÁC KHU VỰC KINH TẾ

triệu đồng

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018		2019	
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH năm	Ước 6 tháng
	CHỈ TIÊU KINH TẾ					
1	**Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP - Giá 2010)**	**Triệu đồng**	**15.431.976**	**33.513.855**	**34.855.291**	**16.491.423**
	Nông Lâm ngư nghiệp	"	1.813.640	3.652.759	3.660.916	**1.853.422**
	Công nghiệp, xây dựng	"	4.644.512	10.584.197	12.009.549	**5.075.813**
	Dịch vụ	"	7.726.920	16.038.410	16.800.786	**8.218.882**
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản ph	"	1.246.903	3.238.490	2.384.040	**1.343.306**
2	**Tốc độ tăng trưởng**	**%**	**5,92**	**6,61**	**7,52**	6,87
	Nông Lâm ngư nghiệp	"	2,15	3,46	2,28	2,19
	Công nghiệp, xây dựng	"	6,57	8,24	10,56	9,29
	Dịch vụ	"	6,37	6,78	6,90	6,37
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản ph	"	7,98	4,23	5,58	7,73
3	**- Theo giá hiện hành**	**Triệu đồng**	**22.391.313**	**47.446.803**	**52.768.098**	**24.638.621**
	Nông Lâm ngư nghiệp	"	2.627.145	23.404.114	5.350.057	2.806.364
	Công nghiệp, xây dựng	"	6.393.712	14.640.059	17.352.323	7.128.500
	Dịch vụ	"	11.561.239	5.394.815	26.451.307	12.696.822
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản ph	"	1.809.217	4.007.815	3.614.411	2.006.935
4	**Cơ cấu kinh tế**	%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
	Nông Lâm ngư nghiệp	"	11,73%	49,33%	10,14%	11,39%
	Công nghiệp, xây dựng	"	28,55%	30,86%	32,88%	28,93%
	Dịch vụ	"	51,63%	11,37%	50,13%	51,53%
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản ph	"	8,08%	8,45%	6,85%	8,15%

Phụ lục 2: MỘT SỐ CHỈ TIÊU NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ

Stt	TÊN NGÀNH	Đơn vị	2018		2019	
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH	ước 6 tháng
I	***NÔNG LÂM NGƯ NGHIỆP***					
1	***Trồng trọt***					
	Thóc	Nghìn tấn	178,21	334,39	320,00	181,04
	Ngô	Nghìn tấn	4,44	6,62	8,00	4,27
	Sắn	Nghìn tấn	103,03		120,00	60,00
	Khoai	Nghìn tấn	8,06	10,45	12,88	6,50
	Lạc vỏ	Nghìn tấn	6,79	7,37	8,00	5,07
	Cao su	Nghìn tấn	6,38	7,30	7,50	2,15
	Hồ tiêu	Tấn	0,20	227,29	278,00	150,00
2	***Chăn nuôi***					
	Tổng đàn trâu (trung bình)	con	22.530	20.847	22.600	20.010
	Tổng đàn bò (trung bình)	"	34.825	34.339	40.000	32.365
	Tổng đàn lợn (trung bình)	"	179.300	178.811	210.000	153.477
	Đàn gia cầm	1000 con	2.769	2.969	3.000	3.530
3	***Lâm nghiệp***					
	Khai thác gỗ và lâm sản khác	Nghìn m3	300	586	650	252
4	**Thủy sản**					
	Thủy sản khai thác	Nghìn tấn	19,99	39,28	42,00	21,02
	Thủy sản nuôi trồng	Nghìn tấn	5,92	15,95	18,00	6,47

Stt	TÊN NGÀNH	Đơn vị	2018		2019	
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH	ước 6 tháng
II	*CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG*					
1	**Công nghiệp**					
	Khai khoáng					
	Đá hộc, đá vôi	1000 m3	742	1.603		754
	Đá xây dựng khác	1000 Tấn	299	743		368
	Công nghiệp chế biến, chế tạo					
	Tôm đông lạnh	Tấn	2.474	6.583	7.500	2.384
	Bia	1000 lít	98.318	230.105	230	107.020
	Sợi	Tấn	41.188	86.179	95.000	44.316
	Áo quần may mặc	1000 cái	23.499	50	63	29.200
	Quần áo lót	1000 cái	166	334	370	172
	Giày dép da	1000 đôi	73			73
	Sản phẩm in	triệu trang	513			545
	Thuốc viên	1000 viên	25			27
	Vỏ lon (30mg/lon)	Tấn	4.400	10.276	11.000	6.201
	Gạch ốp lát	1000 m2	4.134	12.100	19.000	7.114
	Men Frit	Tấn	79.466	185.882	210.000	119.781
	Clanhke	Tấn	1.345			1.379
	Xi măng	Tấn	1.222	2.417	2.500	1.123
	Ô tô	chiếc	67	180	190	84
	Vỏ bào, dăm gỗ	1000 Tấn	242	469	500	263
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí					
	Điện sản xuất		403	1.018	1.460	482
	Điện thương phẩm	Triệu kwh	809	1.749	1.850	882
	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải					

Stt	TÊN NGÀNH	Đơn vị	2018		2019	
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH	ước 6 tháng
	Cung cấp nước sạch	1000 m3	23.489	49.073		25.013
2	**Xây dựng**					
	Diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành	m^2		890.000	856.660	342.664
	Tổng số căn hộ và nhà ở xã hội hoàn thành	căn hộ/		487	1.295	218
	Tổng diện tích căn hộ và nhà ở xã hội hoàn thành	m^2		88.428	64.770	25.908
	Số lượng nhà ở hiện có và sử dụng	nhà		7.416	8.200	3.280
	Tổng diện tích nhà ở hiện có và sử dụng	m^2		890.000	856.660	342.664
	Diện tích nhà ở bình quân/người	m^2		23,8	24,6	24,2
	Diện tích nhà ở bình quân/người tại đô thị	m^2		27,3	28,3	27,8
	Diện tích nhà ở bình quân/người tại nông thôn	m^2		20,3	20,9	20,6

Stt	TÊN NGÀNH	Đơn vị	2018		2019	
			TH 6 tháng	TH cả năm	KH	ước 6 tháng
III	*DỊCH VỤ*					
1	**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng**	**Tỷ đồng**	**17.763**		**43.000**	**20.842**
	Tổng mức bán lẻ	"	14.500,9	29.647,0	33.500,0	16.158,3
	Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống		3.173,2	6.547,0	7.300,0	3.525,3
	Trong đó: Dịch vụ lưu trú	"	812,7			880,0
	Dịch vụ ăn uống	"	2.360,4			2.645,3
	Doanh thu dịch vụ lữ hành	"	89,2			96,8
2	**Tổng lượt khách du lịch**					
	Tổng lượt khách du lịch - tham quan		**2.391**	**4.333**	**4.600**	**2.490**
	Tổng lượt khách lưu trú	10^3 khách	1.081	2.095	2.300	1.154
	Trong đó: Khách quốc tê	"	499	989		547
	Khách nội địa	"	581	1.105		607
3	**Giá trị xuất khẩu**		**441**	**864**	**1.055**	**543**
	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu					
	- Hàng thủy sản	1000 USD	29,1	51,4	60,7	20,4
	- Hàng dệt may	1000 USD	255,9	480,5	567,5	271,7
	- Xơ, sợi dệt	1000 USD	83,9	195,5	230,9	143,6
	- Sản phẩm gỗ	1000 USD	42,9	73,1	86,4	61,9
4	**Giá trị nhập khẩu**		**305**	**602**	**660**	**263**
	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu					
	- Nguyên liệu vật tư dệt, may	1000 USD	217,8	423,8	461,0	189,0
	- Máy móc, thiết bị và phụ tùng k	1000 USD	2,3	43,1	46,9	2,5
	- Hàng thủy sản	1000 USD	0,8	6,4	7,0	1,1

Phụ lục 3

THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

Đến 30/6/2019

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	HĐND tỉnh giao	THỰC HIỆN 6 THÁNG	So sánh với	
			dự toán	cùng kỳ
1	2	3	4=3/2	5
A. TỔNG CÁC KHOẢN THU NSNN (I + II + III)	**7.213.500**	**3.822.200**	**53,0**	**111,2**
I- THU NỘI ĐỊA	**6.629.000**	**3.592.200**	**54,2**	**120,1**
Thu nội địa không gồm tiền sử dụng đất, thu xổ số	**5.455.000**	**2.860.200**	**52,4**	**118,0**
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	220.000	94.000	42,7	98,6
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	205.000	112.000	54,6	
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.100.000	1.071.000	51,0	122,3
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.162.000	606.000	52,2	118,8
5. Thuế bảo vệ môi trường	690.000	340.000	49,3	132,3
Trong đó: Thuế xuất nhập khẩu xăng dầu cơ quan Hải quan quản lý	*433.320*	*214.000*	*49,4*	
6. Thuế thu nhập cá nhân	320.000	202.000	63,1	
7. Lệ phí trước bạ	230.000	142.000	61,7	
8. Thu phí, lệ phí	410.000	208.700	50,9	
- Phí, lệ phí cơ quan Trung ương thực hiện thu	*36.000*	*18.700*	*51,9*	
- Phí, lệ phí cơ quan địa phương thực hiện thu	*114.000*	*66.000*	*57,9*	
- Phí tham quan di tích	*260.000*	*124.000*	*47,7*	
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000	6.800	61,8	
10. Tiền sử dụng đất	840.000	570.000	67,9	108,0
- Ngân sách tỉnh	*340.000*	*115.000*	*33,8*	
- Ngân sách huyện	*500.000*	*455.000*	*91,0*	
11. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	100.000	46.700	46,7	
12. Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	2.000	1.000	50,0	
13. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000	46.000	92,0	
- Do Trung ương cấp	*39.000*	*26.000*	*66,7*	

- Do địa phương cấp	*11.000*	*20.000*	*181,8*	
14. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	74.000	38.000	51,4	
15. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	22.000	13.000	59,1	
16. Thu khác ngân sách	190.000	92.000	48,4	
Trong đó: + Thu khác ngân sách trung ương	*71.000*	*42.000*	*59,2*	
17. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại	3.000	3.000	100,0	
II- THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	**554.500**	**225.000**	**40,6**	**90,0**
III - THU VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	**30.000**	**5.000**	**16,7**	**112,0**
Thu huy động đóng góp	18.000	5.000	27,8	
Thu viện trợ	12.000	0		

Phụ lục 3

ƯỚC CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

ĐẾN THÁNG 06

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019 địa phương	Ước 06 tháng	So với dự toán
A	B	1	4	5=4/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**9.532.814**	**4.226.125**	**44,3**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**9.080.182**	**4.038.110**	**44,5**
I	Chi đầu tư phát triển	2.400.642	1.000.410	41,7
1	Vốn đầu tư XDCB tập trung	494.437	236.400	47,8
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	805.000	497.800	61,8
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	74.000	31.200	42,2
4	Chi đầu tư từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	822.905	208.800	25,4
a	Vốn ngoài nước (*)	472.087	68.400	14,5
b	Vốn trong nước	342.090	140.400	41,0
c	Vốn trái phiếu chính phủ	8.728	0	0,0
5	Chi đầu tư từ nguồn vốn vay Chính phủ về cho vay lại	144.300	11.000	7,6
6	Chi đầu tư từ nguồn thu phí tham quan di tích	60.000	15.210	25,4
II	**Chi thường xuyên**	**6.481.237**	**3.036.500**	**46,9**
1	Chi quốc phòng	149.831	92.366	61,6
2	Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội			
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.832.167	1.265.912	44,7
4	Chi y tế, dân số và gia đình	674.268	295.895	43,9
5	Chi khoa học và công nghệ	36.654	15.327	41,8
6	Chi văn hóa thông tin	87.496	75.983	86,8
7	Chi phát thanh, truyền hình	29.950	9.580	32,0
8	Chi thể dục thể thao	29.879	15.640	52,3
9	Chi bảo đảm xã hội	410.293	203.497	49,6

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019 địa phương	Ước 06 tháng	So với dự toán
A	B	1	4	5=4/1
10	Chi các sự nghiệp kinh tế	728.683	270.664	37,1
11	Chi sự nghiệp môi trường	224.273	112.137	50,0
12	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	1.241.835	651.546	52,5
13	Chi sự nghiệp khác	35.908	27.954	77,8
	+ Chi khác ngân sách	*25.908*	18.174	70,1
	+ Chi cho hộ nghèo vay giải quyết việc làm	*10.000*	10.000	100,0
II	**Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay**	**8.200**	**1.200**	**14,6**
III	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.180**	**0**	**0,0**
IV	**Dự phòng ngân sách**	**188.923**	**0**	**0,0**
B	**CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP**	**30.000**	**5.000**	**16,7**
1	Thu huy động đóng góp	18.000	5.000	**27,8**
2	Thu viện trợ	12.000	-	**0,0**
C	**CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**422.632**	**183.014**	**43,3**
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	256.342	86.012	33,6
2	Chi mục tiêu sự nghiệp	166.290	97.003	58,3
	BỘI CHI	**109.300**	**109.300**	

Phụ lục 4

CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM NGOÀI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2019

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước lũy kế thực hiện đến năm 2018	KH năm 2019	Ước lũy kế thực hiện đến tháng 6/2019	Tiến độ đến 30/6/2019
	Tổng số					**80.290.073**	**14.801.500**	**9.928.453**	**18.996.800**	
A	**CÁC DỰ ÁN NGOÀI KCN, KKT, KHU ĐÔ THỊ MỚI**					**15.162.873**	**5.249.500**	**4.263.553**	**7.203.800**	
I	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019**					**6.488.053**	**4.182.500**	**1.655.553**	**5.297.500**	
A.1.1	Nhà máy thủy điện Thượng Nhật	Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền trung Việt Nam	Huyện Nam Đông	Quý III/2016 - Quý I/2018	Công suất lắp máy: 7 MW	259.880	233.000	26.880	243.000	Dự kiến đưa vào hoạt động quý IV/2019
A.1.2	Nhà máy thuỷ điện Alin B2	Công ty Cổ phần Thuỷ điện ALin 2	Xã Phong Mỹ, Phong Điền và Hồng Vân, A Lưới	Qúy I/2016 - Qúy IV/2018	Công suất lắp máy 20MW, điện lượng trung bình hàng năm 80,65 triệu Kwh/năm	600.000	500.000	50.000	575.000	Đã đưa vào vận hành, nhưng chưa có nước nên chưa có doanh thu
A.1.3	Nhà máy thủy điện A Lin B1	Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điền và xã Hồng Trung, Hồng Vân, huyện A Lưới	30/8/2010 - Qúy IV/2018	Công suất lắp máy 42 MW, điện lượng trung bình hàng năm 177,42 triệu KWh	917.500	891.000	26.500	891.000	Quý IV/2019 đưa vào hoạt động
A.1.4	Nhà máy thủy điện A Lin thượng	Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Xã Hồng Trung và xã Hồng Vân, huyện A Lưới	Qúy III/2016 - Qúy IV/2017	Công suất lắp máy 2,5MW, điện lượng trung bình hàng năm 8,043 triệu KWh/năm	73.347	62.500	10.847	62.500	Đã đưa vào hoạt động
A.1.5	Nhà máy thủy điện Rào Trăng 4	Công ty cổ phần thủy điện Rào Trăng 4	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Qúy I/2016 - Qúy III/2018	Công suất thiết kế 14MW, điện năng trung bình hàng năm 46,294 triệu KWh	494.000	370.000	124.000	370.000	Quý IV/2019 đưa vào hoạt động

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước lũy kế thực hiện đến năm 2018	KH năm 2019	Ước lũy kế thực hiện đến tháng 6/2019	Tiến độ đến 30/6/2019
A.I.6	Nhà máy thủy điện Rào Trăng 3	Công ty cổ phần thủy điện Rào Trăng 3	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Qúy II/2016 - Qúy IV/2018	Công suất lắp máy 13 MW, điện lượng trung bình hàng năm 42,132x106 Kwh	408.700	230.000	178.700	320.000	Quý IV/2019 đưa vào hoạt động
A.I.7	Trạm nghiền xi măng số 2 công suất 900.000 tấn xi măng/năm – Nhà máy xi măng Đồng Lâm	Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Lâm và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Đồng Lâm	Huyện Phong Điền	Qúy II/2018 - Qúy II/2019	công suất 900.000 tấn xi măng/năm	458.287	320.000	138.287	320.000	Dự kiến đưa vào hoạt động quý IV/2019
A.I.8	Nhà máy điện mặt trời Phong Điền II	Công ty cổ phần Đầu tư Đoàn Sơn Thủy	thôn Lương Mai, xã Phong Chương, huyện Phong Điền	Qúy II/2018 - Qúy IV/2019		1.365.000	300.000	465.000	900.000	Đã phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư
A.I.9	Trung Tâm tổ chức sự kiện và dịch vụ du lịch sen trắng	Công ty TNHH Sen Trắng Huế	Thành phố Huế	Giai đoạn 1: Quý II/2017-Quý II/2018 Giai đoạn 2: Quý II/2020-Quý IV/2022		135.000	95.000	40.000	95.000	Dự án chậm tiến độ so với cam kết. Đã đưa vào hoạt động giai đoạn I quý I/2019
A.I.10	Rạp chiếu phim Cinestar Huế	Công ty TNHH Rạp chiếu phim - thể thao và Giải trí Ngôi sao Huế	Thành phố Huế	Quý IV/2017 Quý IV/2018		150.000	120.000	30.000	120.000	Dự kiến đưa vào động quý IV/2019
A.I.11	Khu văn phòng và nhà ở lô LK3	Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Điền Vital	Thành phố Huế	2015-2018		602.005	491.000	111.005	531.000	Thi công 80% khối lượng
A.I.12	Khu ở căn hộ cao cấp, biệt thự đa chức năng, dịch vụ, thương mại tại các lô TM2, ĐTM2, OTM4 & BT	Công ty cổ phần AN!NVEST	Thành phố Huế	2015-2023		1.024.334	570.000	454.334	870.000	Đã đầu tư hoàn thành một phần Khu đô thị và tiếp tục đầu tư theo quy hoạch được duyệt

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước lũy kế thực hiện đến năm 2018	KH năm 2019	Ước lũy kế thực hiện đến tháng 6/2019	Tiến độ đến 30/6/2019
II	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019**					**6.111.900**	**1.067.000**	**1.993.000**	**1.867.000**	
A.2.1	Dự án xây dựng nhà máy chế biến cát, bột thạch anh ít sắt chất lượng cao (Hue Premium Silica)	Công ty TNHH Premium Silica Huế	Thôn Bắc - Triều - Vịnh, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền	Gđ 1: 2018 - Quý II/2020	230.000 tấn sản phẩm/năm	588.000		200.000	20.000	Đang triển khai san lấp mặt bằng
A.2.2	Nhà máy Thủy điện Sông Bồ	Công ty cổ phần thủy điện Sông Bồ	Huyện A Lưới	Qúy III/2017 - Qúy III/2019	Công suất lắp máy: 15 MW	480.000	100.000	150.000	100.000	Dự kiến hoàn thành Quý I/2021
A.2.3	Khu nghỉ dưỡng NAMA	Công ty TNHH đầu tư du lịch Kinh Thành	Thành phố Huế	Quý IV/2017-Quý IV/2018		196.560	60.000	100.000	60.000	Do vướng đất di tích. Thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, chuyển sang phương án liên doanh, kiên kết
A.2.4	Khu nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Mỹ An	Công ty CP du lịch Mỹ An	Huyện Phú Vang	Quý I/2018-Quý II/2019		544.800	40.000	200.000	80.000	Dự kiến hoàn thành Quý III/2020
A.2.5	Trung tâm thương mại - dịch vụ - giải trí - văn phòng và khách sạn Nguyễn Kim	Công ty CP Đầu tư và phát triển Nguyễn Kim	Thành phố Huế	Quý I/2018-Quý II/2022		822.830	55.000	250.000	55.000	Đang thẩm định điều chỉnh thiết kế cơ sở
A.2.6	Dự án Công viên biển và bảo tàng Huế (Hue Amusement & Beach Park)	Tập đoàn PSH	Huyện Phú Vang	2017-2020		1.100.000	160.000	233.000	300.000	Đã hoàn thành GPMB, Đang triển khai thi công mặt bằng
A.2.7	Dự án phục dựng Thái Y Viện	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng	Thành phố Huế	2017-2019		120.000	60.000	60.000	60.000	Đã cơ bản hoàn thành các thủ tục để triển khai xây dựng
A.2.8	Dự án khu du lịch tại phường Hương Hồ	Công ty TNHH 01 TV Hue spirit Sanctuary	Thị xã Hương Trà	Quý IV/2017 Quý IV/2019		205.000	50.000	100.000	100.000	Đang GPMB, san lấp

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước lũy kế thực hiện đến năm 2018	KH năm 2019	Ước lũy kế thực hiện đến tháng 6/2019	Tiến độ đến 30/6/2019
A.2.9	Khu phức hợp Thủy Vân - GĐ 1,2	Công ty CP Apecland Huế	Thị xã Hương Thủy	2015-2023		1.593.974	442.000	500.000	942.000	Đã cơ bản hoàn thành xây dựng Khu A, đang tiến hành san lấp mặt Khu B, Khu C
A.2.10	Công viên nghĩa trang Vườn Địa Đàng	Công ty Cổ phần Nhật Tiến Huế	Thị xã Hương Thủy	2018-2019	26 ha	200.000	50.000	100.000	50.000	Đang thực hiện thủ tục thuê đất
A.2.11	Công viên nghĩa trang tại phường Hương An, thị xã Hương Trà	Công ty Cổ phần VIF An Lộc	Thị xã Hương Trà	2017-2019		260.736	50.000	100.000	100.000	Đang thực hiện thủ tục thuê đất
III	**Các dự án khởi công mới năm 2019**					**2.562.920**	**0**	**615.000**	**39.300**	
A.3.1	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng và đô thị sinh thái biển Hải Dương	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng	xã Hải Dương, thị xã Hương Trà			2.000.000	0	500.000	10.000	Đang thực hiện công tác GPMB, Quy hoạch 1/500 và ĐTM
A.3.2	Khu du lịch Hàm Rồng	Công ty TNHH Hàm Rồng Phú Lộc Huế	xã Vinh Hiền, huyện Phú Lộc	Quý II/2019 Quý IV/2020		205.000	0	50.000	5.000	Đang làm thủ tục đầu tư xây dựng
A.3.3	Trang trại lợn nái Nam Sơn	Công ty CP Lâm nghiệp 1-5	Huyện Phong Điền	2018-2020	32,5 ha	139.611	0	20.000	14.300	Đang san lấp mặt bằng
A.3.4	Tổ hợp sản xuất, chế biến Nông sản hữu cơ tại thôn Đông Lái, xã Phong Thu, huyện Phong Điền	Công ty cổ phần Tập đoàn Quế Lâm	Huyện Phong Điền	2018-2020	15 ha	148.109	0	20.000	5.000	Đang triển khai công tác bồi thường GPMB
A.3.5	Trồng cam Kim Nguyên	Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Kim Nguyên	Huyện Nam Đông	2018-2020	97 ha	70.200	0	25.000	5.000	Đang triển khai công tác bồi thường GPMB

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước lũy kế thực hiện đến năm 2018	KH năm 2019	Ước lũy kế thực hiện đến tháng 6/2019	Tiến độ đến 30/6/2019
B	**CÁC DỰ ÁN TRONG KCN, KKT, KHU ĐÔ THỊ MỚI**					**65.127.200**	**9.552.000**	**5.664.900**	**11.793.000**	
I	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019**					**3.000.900**	**2.135.000**	**1.069.900**	**2.405.000**	
B.1.1	Nhà máy sản xuất gạch ốp lát granit công suất 7,2 triệu m2/năm	Công ty TNHH Vitto Phú Lộc	Khu công nghiệp La Sơn	2017-2018		610.900	350.000	260.900	580.000	Đã đưa vào hoạt động
B.1.2	Dự án Nhà máy may 4	Công ty CP Dệt may Huế	Khu công nghiệp Phú Đa	2018-2019		80.000	35.000	45.000	75.000	Đã đưa vào hoạt động
B.1.3	Khu nghỉ dưỡng Huyền thoại Địa Trung Hải	Công ty CP Tập đoàn xây dựng và phát triển nhà Vicoland		2016-2019		838.000	620.000	218.000	650.000	Đang triển khai thi công xây dựng
B.1.4	Khu biệt thự du lịch sinh thái biển Lăng Cô Spa Resort	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Du lịch Hồng Phúc		2016-2019		216.000	180.000	36.000	200.000	Đang triển khai thi công xây dựng
B.1.5	Hạ tầng khu công nghiệp Phong Điền (khu C)	Công ty TNHH C&N Vina Huế-Hàn Quốc	Khu công nghiệp Phong Điền			410.000	200.000	210.000	350.000	Đang hoạt động
B.1.6	Bến số 3-Cảng Chân Mây	Công ty TNHH Hào Hưng Huế	Chân Mây -Lăng Cô	2016-2018		846.000	750.000	300.000	550.000	Đã triển khai thi công được 70% khối lượng công việc
II	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019**					**58.178.300**	**7.332.000**	**4.045.000**	**9.303.000**	
B.2.1	Dự án sản xuất lò bể Frit công suất 65.000 tấn/năm	Công ty CP Frit Huế	Khu công nghiệp Phú Bài	2017-2019		172.000	80.000	70.000	100.000	Đang hoạt động 1 phần tiếp tục đầu tư giai đoạn tiếp theo
B.2.2	Sản xuất và gia công các loại sản phẩm gỗ	Công ty TNHH Lee&Park Wood Complex	Khu công nghiệp Phong Điền	2017-2018		154.000	119.000	35.000	130.000	Triển khai Giai đoạn II
B.2.3	Nhà máy sản xuất vật liệu Cristobalite	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến khoáng sản PHENIKAA Huế	Khu công nghiệp Phong Điền	2017-2018		488.300	210.000	200.000	350.000	Hoạt động Quý II/2019

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước lũy kế thực hiện đến năm 2018	KH năm 2019	Ước lũy kế thực hiện đến tháng 6/2019	Tiến độ đến 30/6/2019
B.2.4	Laguna Lăng Cô	Công ty TNHH Laguna (Việt Nam)	Chân Mây-Lăng Cô			45.103.000	6.300.000	2.000.000	7.300.000	Đang triển khai giai đoạn II
B.2.5	Xây dựng hạ tầng khu CN và khu phi thuế quan Sài Gòn - Chân Mây	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Huế	Chân Mây -Lăng Cô	2017-2023		2.583.000	180.000	500.000	350.000	Đang hoạt động
B.2.6	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phong Điền-Viglacera	Tổng Công ty Viglacera-CTCP	Khu công nghiệp Phong Điền			1.100.000	100.000	200.000	150.000	Đã hoàn thành đợt 1 64 ha
B.2.7	Bến số 02 - Cảng Chân Mây	Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây	Chân Mây -Lăng Cô			850.000	70.000	200.000	150.000	Đagn xây dựng cầu cảng, khối lượng thực hiện khoảng 200 tỷ
B.2.8	Khu Du lịch nghỉ dưỡng quốc tế Minh Viễn Lăng Cô	Công ty Cổ phần quốc tế Minh Viễn		2018-2024		7.728.000	273.000	840.000	773.000	Đang triển xây dựng
III	**Các dự án khởi công mới năm 2019**					**3.948.000**	**85.000**	**550.000**	**85.000**	
B.3.1	Dự án khu du lịch Suối Voi	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoa Lư - Huế	Chân Mây -Lăng Cô	2018-2020		218.000	35.000	50.000	35.000	Đang vướng mắc trong công tác đền bù GPMB
B.3.2	Khu phức hợp du lịch dịch vụ Đăng Kim Long Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Đăng Kim Long	Chân Mây -Lăng Cô			3.730.000	50.000	500.000	50.000	Đang thực hiện thủ tục kiểm đếm GPMB

Phụ lục 5

CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM NĂM 2019- NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế TH đến năm 2018	KH năm 2019	Ghi chú	Khối lượng đến 30/6/2019	Giải ngân đến 31/5/2019	Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2019
	Tổng số					**6.386.653**	**1.709.781**	**695.288**		**251.015**	**194.046**	**27,9%**
I	**Các dự án hoàn thành năm 2019**					**559.675**	**329.637**	**50.039**		**25.678**	**16.059**	**32,1%**
1.1	HT khu nuôi trồng thủy sản trên cát ven biển xã Điền Hương, huyện Phong Điền	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Phong Điền	P.Điền	2013-2016	1,3 km	59.253	45.912	5.000		2.450	1.838	36,8%
1.2	Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp mở rộng cảng cá Thuận An	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	P.Vang	2013-2015	500 chiếc	178.170	30.000	5.000	GD 1 là 39,8 tỷ (NSTW 29 tỷ)	4.500	4.092	81,8%
1.3	Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải khu công nghiệp và khu phi thuế quan	Ban QL Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh TTH	P.Lộc	2016-2020		268.710	213.725	29.839		13.428	8.223	27,6%
1.4	Trường THPT Thuận an (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	P.Vang	2016-2020	18 phòng	19.096	16.500	3.200	Mới đấu thầu gói XL bổ sung	2.500		
1.5	Bồi thường, GPMB khu đất xây dựng khu đô thị hành chính tỉnh TTH	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2016-2020	17,2 ha	34.446	23.500	7.000	ĐB, GPMB	2.800	1.905	27,2%
II	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019**					**5.295.575**	**1.379.989**	**499.379**		**220.987**	**176.380**	**35,3%**
2.1	Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	tỉnh	2016-2020		85.790	6.060	10.000	Đang điều chỉnh ô chôn lấp rác theo phương pháp FUKUOKA - Nhật Bản	1.000	205	2,1%
2.2	Kè chống sạt lở bờ sông Hương đoạn qua phường Hương Hồ, xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà và xã thủy Bằng, thị xã Hương thủy	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	H-H.Trà	2014-2018	3,49 km	82.810	26.839	10.000	Mới tổ chức lựa chọn nhà thầu	2.000	651	6,5%
2.3	Kè chống sạt lở sông Bồ đoạn qua các xã Phong An, Phong Sơn thuộc huyện Phong Điền và các phường Hương Văn, Tứ Hạ, Hương Xuân và Hương Toàn thuộc thị xã Hương Trà	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	P.Đ-H.Trà	2017-2020	4,75 km	81.906	7.050	10.000	Mới tổ chức lựa chọn nhà thầu	2.000	1.160	11,6%

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế TH đến năm 2018	KH năm 2019	Ghi chú	Khối lượng đến 30/6/2019	Giải ngân đến 31/5/2019	Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2019
2.4	Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	Q.Điền	2016-2020	7,4 km	274.633	88.495	34.000	Giai đoạn 1 là 130 tỷ đồng	20.400	18.072	53,2%
2.5	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập(WB8)-Tiểu dự án tỉnh Thừa Thiên Huế	Ban QLDA sửa chữa và nâng cáo an toàn đập (WB8) tỉnh TTH(gửi về ban NN và PTNT)	tỉnh	2016-2020		124.930	1.639	2.000	Đối ứng ODA			
2.6	Đường cứu hộ cứu nạn Thủy phù - Vinh Thanh	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	H.Th-PV	2012-2020	14,5 km	155.806	87.000	30.000		18.000	16.516	55,1%
2.7	Đường cứu hộ cứu nạn thị trấn Phong Điền - Điền Lộc(giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	P.Điền	2012-2020	17 km	671.988	172.000	20.000	Giai đoạn 1 là 212 tỷ đồng	8.000	4.177	20,9%
2.8	Đường Chợ Mai - Tân Mỹ, huyện Phú Vang	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	P.Vang	2016-2020	4,83 km	195.821	18.445	20.000		18.000	15.682	78,4%
2.9	Đường Phú Mỹ - Thuận An, huyện Phú Vang	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	P.Vang	2016-2020	4,13 km	344.985	31.540	39.000	Giai đoạn 1 là 247,9 tỷ	35.100	28.281	72,5%
2.10	Đường nối từ Quốc lộ 1A vào vườn quốc gia Bạch Mã, huyện Phú Lộc	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Phú Lộc	P.Lộc	2015-2020	2,8 km	82.731	10.080	20.000		9.000	6.606	33,0%
2.11	Đường phía Đông đầm Lập An	Ban QL Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh TTH	P.Lộc	2016-2020	4,5 km	172.580	25.110	30.000		1.500	530	1,8%
2.12	Đường tránh lũ huyện Quảng Điền	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Quảng Điền	Q.Điền	2011-2013	10,5 km	44.432	34.497	7.000		7.000	7.000	100,0%
2.13	Đường mặt cắt 36m, nối từ đường Nguyễn Lộ Trạch đến đường ra sông Phát Lát nối dài	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2016-2020	530m	42.402	9.550	5.000	Vướng mắc đền bù, do hệ số giá đất ban hành chậm			0,0%
2.14	Dự án Cầu bắc qua sông Lợi Nông(nối từ đường 26m khu nhà ở An Dông sang đường 100 khu A, Khu đô thị mới An Vân Dương)	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2016-2020	D: 50m; R: 26 m	32.000	17.504	5.000	Vướng mắc đền bù, TP chưa ký dự toán			0,0%
2.15	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh(đoạn từ cầu Niêm Phò đến thị trấn Sịa)huyện Quảng Điền	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Quảng Điền	Q.Điền	2015-2017	3,7 km	29.997	5.020	5.500		5.500	5.500	100,0%

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế TH đến năm 2018	KH năm 2019	Ghi chú	Khối lượng đến 30/6/2019	Giải ngân đến 31/5/2019	Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2019
2.16	Chỉnh trang Đường Võ Văn Kiệt(đoạn từ đường Minh Mạng đến cầu vượt Thủy Dương)	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế. H.Thủ	2016-2020	4,4 km	29.462	11.920	6.000		2.400	1.841	30,7%
2.17	DA cải thiện môi trường nước thành phố Huế	Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị TTH	Huế	2008-2020		659.983	271.602	30.000	Đối ứng ODA	9.000	5.649	18,8%
2.18	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư TDC2 - đô thị mới An Vân Dương	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2015-2017	9,1 ha; 248 lô	87.477	47.405	7.000	Giai đoạn 1: 59,7 tỷ đồng (DP 2,8 tỷ)	7.000	6.812	97,3%
2.19	Hạ tầng kỹ thuật khu định cư Bàu Vá, giai đoạn 4	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	Huế	2016-2020	4 ha	69.935	14.060	7.000		3.150	2.133	30,5%
2.20	HT kỹ thuật khu tái định cư Hương Sơ, giai đoạn 4	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	Huế	2016-2020	13,7 ha	114.411	24.350	7.000		4.900	4.675	66,8%
2.21	Dự án HTKT khu TĐC Thủy Thanh giai đoạn 3.	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	H.thủy	2016-2020	8,8 ha	99.429	74.150	9.010		5.406	4.699	52,1%
2.22	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng-giai đoạn 2, dự án thành phần tỉnh TTH	Ban QLDA ĐTXD Chương trình phát triển các đô thị loại II(các đô thị xanh)	tỉnh	2018-2020		36.238	1.500	5.000		2.250	1.622	32,4%
2.23	Dự án "Chương trình phát triển các đô thị loại II(các đô thị xanh)-tiểu dự án Thừa Thiên Huế	Ban QLDA ĐTXD Chương trình phát triển các đô thị loại II(các đô thị xanh)	Huế-H.thủy	2016-2020		254.194	34.380	64.000	Đối ứng ODA	25.600	16.751	26,2%
2.24	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	tỉnh	2017-2020	74.9km	28.000	2.000	2.000	Đối ứng ODA	1.400	1.282	64,1%
2.25	Phục hồi Điện Kiến Trung-Từ Cấm Thành	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2016-2020		123.788	11.310	15.000		3.000	2.046	13,6%
2.26	Dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống kinh thành Huế (hợp phần tu bổ, tôn tạo)	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2016-2020	27 khối (84.412m 2; TĐC: 876 hộ)	497.634	62.381	7.000	Vướng mắc xây dựng bờ kè	1.993	1.993	28,5%
2.27	Tu bổ và phát huy giá trị tổng thể di tích lăng vua Gia Long (phần còn lại)	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2016-2020		91.497	19.000	4.000		1.800	1.561	39,0%
2.28	Bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị tổng thể di tích lăng vua Thiệu Trị (giai đoạn 2)	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	H.thủy	2016-2020		45.812	4.938	4.500		450	172	3,8%

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế TH đến năm 2018	KH năm 2019	Ghi chú	Khối lượng đến 30/6/2019	Giải ngân đến 31/5/2019	Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2019
2.29	Bảo tồn, tu bổ tổng thể khu di tích Lăng Đồng Khánh (phần còn lại)	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2016-2020		38.527	12.430	6.000		300	38	0,6%
2.30	Bảo tồn, tu bổ hệ thống tường và cổng Tử Cấm Thành (giai đoạn 1)	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2016-2020		49.036	18.510	5.500		275	32	0,6%
2.31	Bảo tồn, tu bổ và phục hồi lăng Dục Đức (hạng mục: khu Tẩm điện, khu lăng mộ)	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2016-2020		51.337	24.520	6.000		1.500	962	16,0%
2.32	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực Hoàng Thành	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2016-2020		54.578	35.510	7.500		375	88	1,2%
2.33	Sửa sữa, nâng cấp sân vận động Huế	Đoàn bóng đá Huế	Huế	2016-2020		14.843	3.030	5.000		4.350	4.216	84,3%
2.34	Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh TTH	Sở Y tế	Huế	2016-2020	3,7 ha	63.000	14.000	9.469	Giai đoạn 1 là 45 tỷ.	473	228	2,4%
2.35	Trường THPT Hương Vinh (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	H.Trà	2016-2020	1768 m2	34.747	16.982	6.000		1.500	869	14,5%
2.36	Trường THPT Tố Hữu (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	Q.Điền	2016-2020	1000 HS	26.152	10.000	6.000		1.500	1.152	19,2%
2.37	Trường THPT A Lưới (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	A.Lưới	2016-2020	880 HS	28.071	4.000	4.500		675	400	8,9%
2.38	Xây dựng nâng cấp Trường Cao đẳng Y tế Huế	Trường Cao đẳng Y tế Huế	Huế	2011 - 2013	3.000 SV	39.766	18.475	7.400		2.590	2.193	29,6%
2.39	Văn phòng làm việc một số cơ quan đơn vị thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	Huế	2016-2020	27492 m2	269.134	91.640	10.000	Giai đoạn 1 là 114 tỷ(dự phòng 15 tỷ)	6.000	5.274	52,7%
2.40	Doanh trại Tiểu đoàn huấn luyện cơ động Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	H.Trà	2018-2020		26.900	4.020	7.000		5.600	5.313	75,9%
2.41	Trụ sở Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy số 04 thuộc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh TTH	Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh TTH	P.Lộc	2016-2060	70 CBCS	38.813	7.047	4.000	NSĐP 14 tỷ			0,0%

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Ước Lũy kế TH đến năm 2018	KH năm 2019	Ghi chú	Khối lượng đến 30/6/2019	Giải ngân đến 31/5/2019	Tỷ lệ giải ngân đến 31/5/2019
III	**Các dự án khởi công mới năm 2019**					**531.403**	**155**	**145.870**		**4.350**	**1.607**	**1,1%**
3.1	Kè chống sạt lở khẩn cấp đoạn Thuận An-Tư Hiền	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	PV-PL	2018-2020		300.149	-	100.370				0,0%
3.2	Mở rộng Đường tỉnh 9 qua thị trấn Phong Điền đoạn từ QL1A đi Nhà máy xi măng Đồng Lâm	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Phong Điền	P.Điền	2016-2020	1,3 km	24.000	20	4.500	Đang tổ chức đấu thầu	900		0,0%
3.3	Đường 19/5 (đoạn từ QL1A đến cầu Ông Ấn), thị xã Hương Trà	Ban QLDA ĐTXD khu vực thị xã Hương Trà	H.Trà	2016-2020	1 km	24.754	45	5.000		500		0,0%
3.4	Đường Đào Tấn nối dài(đoạn từ đường Phan Bội Châu đến đường Điện Biên Phủ)	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	Huế	2008-2010	140m	36.484	30	10.000	Đang GPMB			0,0%
3.5	Nâng cấp, mở rộng đường Phùng Quán, thị xã Hương Thủy	Ban QLDA ĐTXD khu vực thị xã Hương Thủy	H.Thuỷ	2018-2020	5,54 km	25.000	-	5.000		500		0,0%
3.7	Bảo tồn, Tu bổ và tôn tạo di tích cầu ngói Thanh Toàn	Ban QLDA ĐTXD khu vực thị xã Hương Thủy	H.Thủy	2019-2020		9.500	-	3.000		300		0,0%
3.8	Chiếu sáng mỹ thuật xung quanh Hoàng Thành	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2019-2021		27.595	-	3.000		300	259	8,6%
3.9	Bảo tồn, tu bổ di tích Đàn Nam Giao (giai đoạn 1)	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2019-2021		23.851	60	3.000		300	192	6,4%
3.10	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ (giai đnan 1)	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	Huế	2018-2020	1.235 HS	21.403	-	4.000		400	356	8,9%
3.11	Trường THPT Bình Điền (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	H.Trà	2016-2020	570 HS	26.667	-	4.500		450	345	7,7%
3.12	Cải tạo, nâng cấp đồn Biên phòng Vinh Hiền	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	P.Lộc	2019-2021	808 m2	12.000	-	3.500		700	456	13,0%